

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

077/XLDK-TCKT

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo thường niên năm 2020 của
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên đơn vị : Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)
2. Mã chứng khoán : PVX
3. Trụ sở chính : Tầng 25, Toà nhà CEO, lô HH2-1, khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại : 04.37689291 Fax: 04.37689290
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thu Hoài
6. Địa chỉ thường trú: F312, C5, khu tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
7. Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04.37689291 Fax: 04.37689290
8. Nội dung của thông tin công bố:
Báo cáo thường niên năm 2020 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://pvc.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PVC (b/cáo);
- TGD PVC (b/cáo);
- PTGD C.T.Hải; N.V.Đông (b/cáo);
- Ban TCHC (p/h);
- Lưu: VT, TCKT-KT.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT

Ngô Thị Thu Hoài

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM | VIETNAM NATIONAL OIL AND GAS GROUP

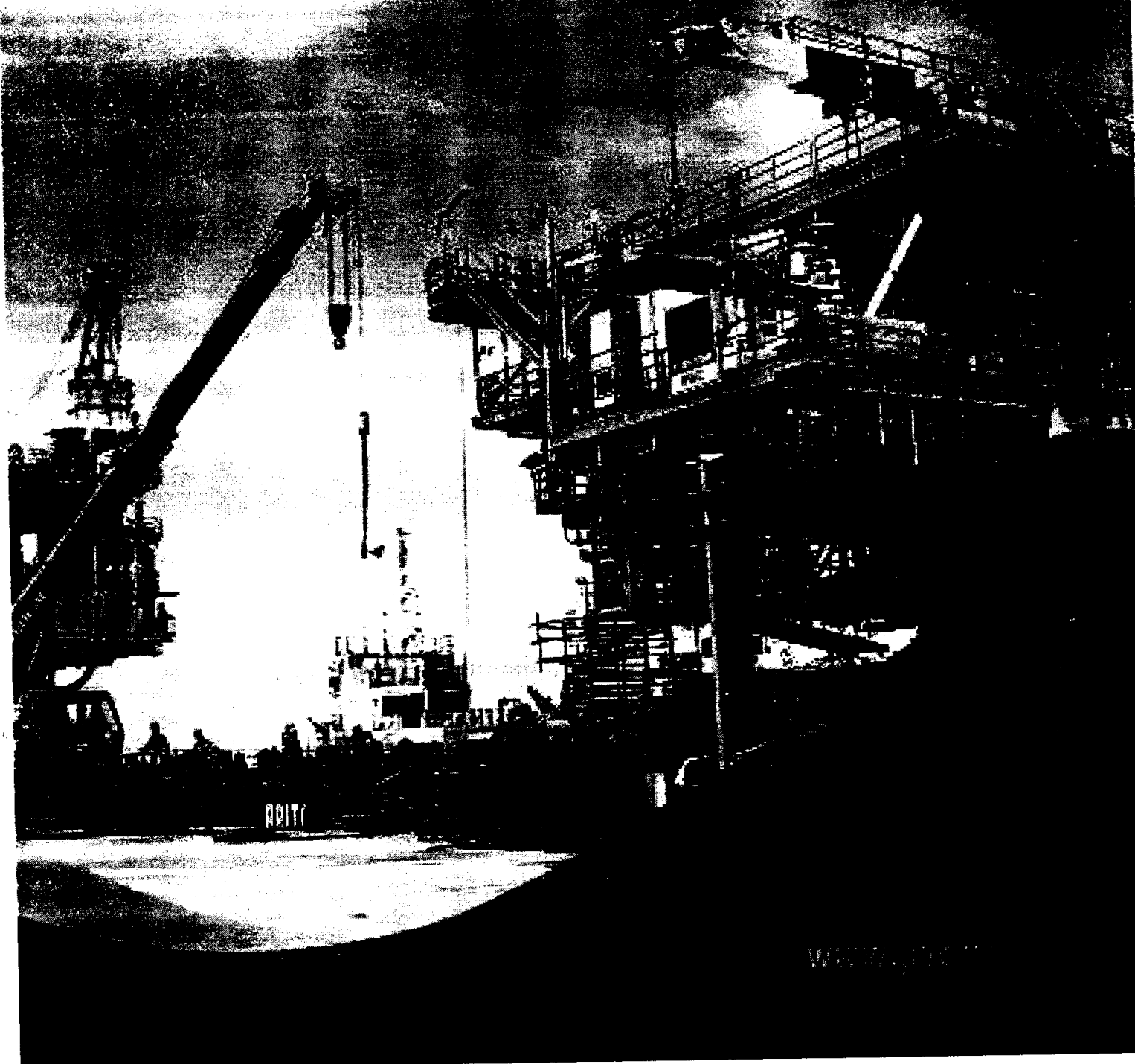
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

PHIÊN BẢN

PVC

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION (PVC)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



500
TỔ
TY
LẮP
ẾT
LIÊN

ABITI

www.pvc.com.vn

THÔNG TIN CHUNG

* Tên công ty bằng tiếng Việt:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

* Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

* Tên công ty viết tắt: PVC

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500102365

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn nghìn tỷ đồng

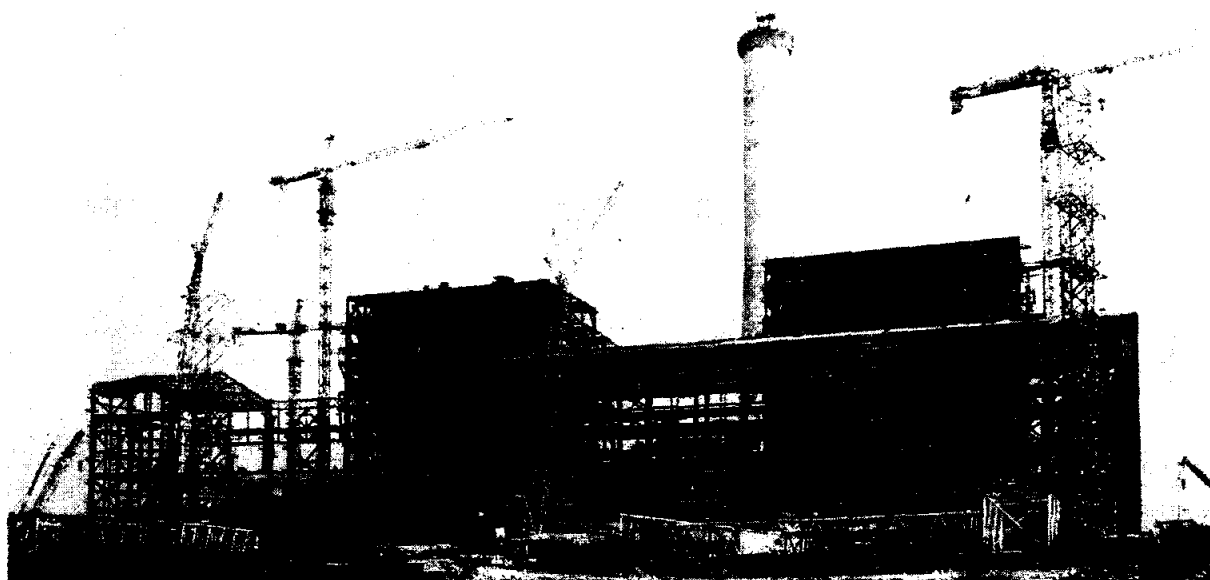
* Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà CEO, lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Số điện thoại: 0243.7689291

* Số fax: 0243.7689290

* Website: www.pvc.vn

* Mã cổ phiếu: PVX



1. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam) - Tập đoàn kinh tế hùng mạnh hàng đầu đất nước. 38 năm qua, PVC nỗ lực vươn lên trở thành một doanh nghiệp xây lắp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí, xây dựng công nghiệp và dân dụng.

- 14/9/1983, Thi hành các quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983), Tổng cục Dầu khí ra quyết định thành lập *Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí* với nhiệm vụ thi công các công trình; san lấp mặt bằng, bến cảng, bãi đỗ cần khoan, ống chống, Xí nghiệp cơ khí trung tâm, Xí nghiệp địa vật lý, trạm điện 4,2 MW, Xí nghiệp sản xuất ôxy, axêtylen, kho đông lạnh, hồ chôn bùn khoan.

- 19/9/1995, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển đổi Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí thành *Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC)* - bước phát triển rất quan trọng, tạo ra sự thay đổi cả về chất lẫn về lượng của ngành Xây dựng Dầu khí Việt Nam.

- 1/4/2006, sau gần hai năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, *Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (PVC)* chính thức đi vào hoạt động với một mô hình quản lý mới: tinh, gọn, nhẹ và năng động.

- 26/10/2007, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ký Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp dầu khí thành *Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)*.

- 19/8/2008, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam niêm yết 150 triệu cổ phiếu với mã PVX trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- 2010, PVC thi công chế tạo chân đế lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam: Dự án giàn mỏ Đại Hùng sâu 110 m nước, trong lượng 7.200 tấn; Dự án Biển Đông mỏ Mộc Tinh sâu 130m nước, với khối lượng trên 13 nghìn tấn.

- 1/2013, theo đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 5/1/2013, PVC sẽ trở thành đơn vị chủ lực của PVN trong lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên bờ.

Trải qua 38 năm hình thành và phát triển, PVC đã và đang khẳng định uy tín, năng lực vượt trội trên các công trình trọng điểm của ngành Dầu khí và đất nước. Từ Căn cứ Dịch vụ Tổng hợp trên bờ tại Vũng Tàu, đến các công trình Đường ống dẫn khí từ Long Hải về các khu công nghiệp Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Đồng Nai; các công trình trọng điểm quốc gia như Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Cụm khí điện đạm Cà Mau, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I và mới nhất là Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình II... đều ghi dấu vai trò quan trọng của Tổng Công ty PVC.

Trưởng thành qua từng công trình, dự án, từ vai trò thầu phụ cho các nhà thầu quốc tế, PVC đã vươn lên trở thành Tổng thầu EPC thực hiện các công trình có quy mô ngày càng lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: Tổng kho LPG Gò Dầu, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình II, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch II...

Đặc biệt, PVC tiếp tục khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí qua việc thực hiện thi công hầu hết các dự án về vận chuyển, tàng trữ dầu và khí theo hình thức EPC như Kho xăng dầu Cù Lao Tào, Kho chứa LPG và trạm

xuất xe bồn Dung Quất... Trong lĩnh vực Thiết kế, chế tạo, xây lắp giàn khoan, chân đế giàn khoan: PVC thi công chế tạo hàng loạt công trình xây lắp, kết cấu trọng điểm trên cả nước của ngành Dầu khí Việt Nam trong đó có những công trình lớn kỷ lục Việt Nam như chân đế giàn khoan Đại Hùng, chân đế và khối thượng tầng giàn Mộc Tinh 1 – Dự án Biển Đông...

PVC không ngừng việc củng cố, phát triển các lĩnh vực thế mạnh truyền thống như xây dựng hệ thống tàng trữ, vận chuyển các sản phẩm Dầu khí, cơ khí lắp đặt và chế tạo các thiết bị Dầu khí...

PVC còn khẳng định thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng. PVC có bước tiến vượt bậc trong công nghệ xây dựng nhà cao tầng như: Trung tâm Tài chính Dầu khí, Văn phòng Viện Dầu khí, Toà nhà Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower...

Trên những chặng đường đã qua, Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã không ngừng trưởng thành, góp phần vào sự phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và của đất nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính:

a. Xây lắp chuyên ngành dầu khí

PVC là doanh nghiệp chủ lực của ngành Dầu khí trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí. Đây là lĩnh vực hoạt động chủ đạo, tạo nên uy tín, thương hiệu PVC trong 34 năm qua, trong đó các hoạt động mũi nhọn bao gồm:

- Thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, giàn khoan, chân đế giàn khoan (trên đất liền, ngoài biển), các kết cấu kim loại, bồn bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, nước.

- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí.

- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất.

- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng và thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

b. Xây dựng công nghiệp

PVC còn được biết đến với vai trò là nhà thầu xây dựng có năng lực trong xây dựng các công trình công nghiệp lớn trong và ngoài ngành Dầu khí:

- Đầu tư, xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, xi măng vật liệu xây dựng...

- Khảo sát, thiết kế, tư vấn, thi công lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong xây dựng công nghiệp.

- Đầu tư, thiết kế và tổng thầu các dự án hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đê kè, bến cảng...

- Xây dựng các nhà máy khí điện, nhiệt điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện

c. Xây dựng dân dụng

PVC đã tham gia đầu tư, tư vấn, thiết kế, xây dựng nhiều công trình dân dụng, văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà

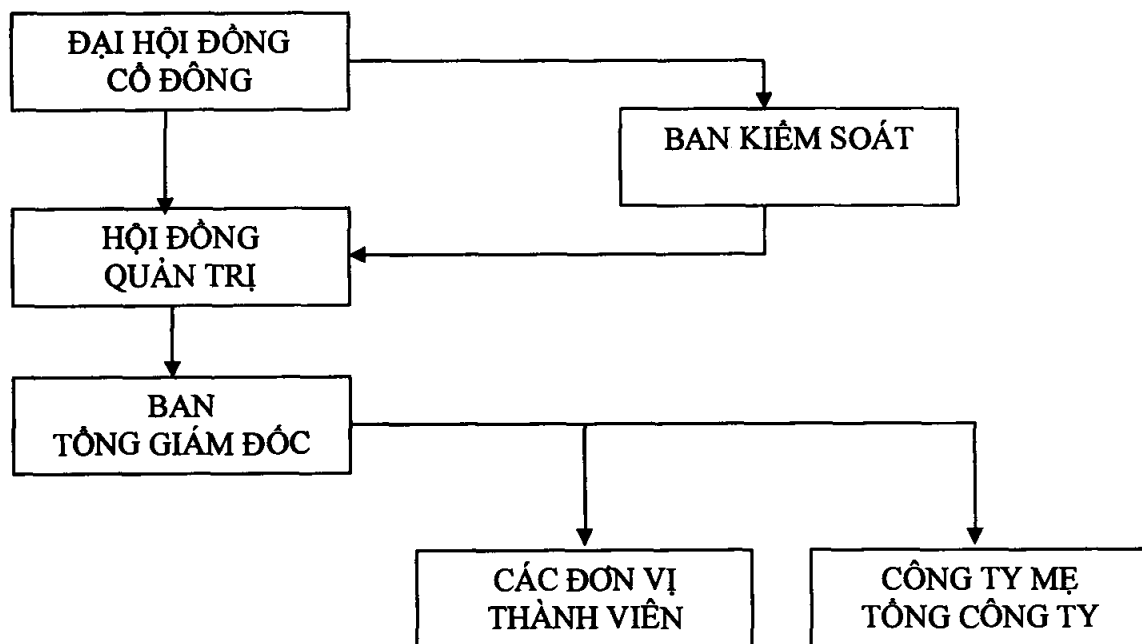
cao tầng của ngành Dầu khí và nhiều địa phương trên cả nước. PVC còn tham gia đầu tư xây dựng và khai thác các dự án khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng các khu đô thị mới

d. Sản xuất công nghiệp

Song song với việc đẩy mạnh hoạt động xây lắp theo các lĩnh vực, PVC chú trọng đầu tư cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng và cơ khí chế tạo chuyên ngành dầu khí và sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí)

3. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị



- Các công ty con, công ty liên kết:

I	Các công ty con	
1	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	
2	Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	
3	Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	
4	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	
5	Công ty CP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland)	
6	Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	
7	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	
8	Công ty CP ĐT&XD Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	
II	Công ty liên kết, Đầu tư Tài chính	
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	
2	Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	
3	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)	
4	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	
5	Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	
6	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	
7	Công ty CP thiết kế quốc tế Heerim PVC	
8	Công ty CP TM Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petrolink)	
9	Công ty CP Trang trí nội thất Dầu khí (PVC - ID)	
10	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp DK Nghệ An - PVNC	
11	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí Sài Gòn (PVC-SG)	
12	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	
13	Công ty CP Xây lắp Dầu khí PVC Trường Sơn	
14	Công ty CP Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	
15	Công ty CP xi măng Hạ Long	
16	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 4	
17	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	
18	Công ty CP Đầu tư Xây lắp dầu khí IMICO	

4. Định hướng phát triển của PVC trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

- Khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước khẳng định thương hiệu, uy tín của PVC trong lĩnh vực thi công xây lắp là mục tiêu đặt lên hàng đầu. Đảm bảo giữ vững ổn định và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn vốn hiện có và tiến tới mang lại lợi ích cho các cổ đông của PVC.

- Hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài ngành, tận dụng tối đa lợi thế là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Đẩy mạnh liên doanh, liên kết với các đơn vị có năng lực trong và ngoài nước, giảm thiểu cạnh tranh, tránh đối đầu trực tiếp, từng bước tiếp thu, nâng cao năng lực nhằm mở rộng chiếm lĩnh thị trường xây lắp các công trình Dầu khí trong nước và các dự án của các nhà đầu tư nước ngoài như Tổ hợp lọc hóa dầu Vũng Rô, dự án NMNĐ Quảng Trị,... dần mở rộng ra thị trường ngoài ngành và nước ngoài.

- Hoàn thành và bàn giao dự án NMNĐ Thái Bình 2, gói thầu A2- Tổ hợp hóa dầu Long Sơn. Thực hiện công tác vận hành và bảo dưỡng (O&M) Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và các dự án điện/ điện gió khác.

- Xây dựng và hoàn thành công tác thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp không nằm trong lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty. Đối với các Công ty con còn lại, tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư, đảm bảo tập trung cho các hoạt động SXKD trọng yếu, nâng cao tối đa hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Thực hiện giải thể/ phá sản các đơn vị không còn khả năng hoạt động liên tục.

- Hoàn thành trả nợ các khoản vay ủy thác Tập đoàn qua Oceanbank và giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị thành viên.

- Tuyển dụng, bổ sung nguồn lực lao động và đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên phù hợp với tốc độ tăng trưởng, đặc biệt chú trọng đào tạo chuyên sâu về chuyên môn trong lĩnh vực tư vấn, quản lý, thiết kế, đấu thầu và quản lý dự án.

5. Các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2021

Bên cạnh những kết quả đạt được và những hạn chế tồn tại năm 2020, Tổng công ty cũng đã nhận diện được một số rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, tóm tắt như sau:

- Công tác trả nợ gốc và lãi vay đối với khoản vay ủy thác của Tập đoàn: Do tình hình tài chính khó khăn (lỗ lũy kế tại 31/12/2020 của Công ty mẹ PVC là 3.712,18 tỷ đồng), các tài sản/dự án hình thành từ nguồn vốn vay ủy thác của Tập đoàn không phát huy được hiệu quả, một số đơn vị của PVC đã chuyển nhượng/sử dụng vào mục đích khác, dẫn đến PVC khó có khả năng thu xếp dòng tiền để trả nợ vay ủy thác Tập đoàn;

- Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, nếu không được Chủ đầu tư giải quyết tháo gỡ các khó khăn vướng mắc tại các đề xuất kiến nghị của PVC cũng như hỗ trợ kịp thời về dòng tiền cho dự án, tiến độ dự án sẽ tiếp tục bị kéo dài dẫn đến những rủi ro phát sinh như: i) Rủi ro phát sinh chi phí do dự án chậm tiến độ và chậm điều chỉnh Hợp đồng EPC; ii) PVC có thể phải đối diện với việc bị phạt hợp đồng với các nhà thầu phụ tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 do chậm thanh toán vì PVC thiếu hụt dòng tiền và dự án bị điều chỉnh tiến độ; iii) Những vướng mắc liên quan tới công tác gia hạn hợp đồng với SDC, hợp đồng chạy thử,... nếu không được giải quyết cũng tiềm ẩn những rủi ro có thể gây lỗ cho PVC. Hiện nay, các khoản chi phí này chưa được các bên thống nhất số liệu.

- Đối với các công trình/dự án đã hoàn thành, đang chờ quyết toán như dự án NMNĐ Vũng Áng 1, dự án NMNĐ Quảng Trạch, dự án Ethanol, dự án PVTex, dự án Lô B – Ô môn,... khi quyết toán/bàn giao các Dự án/Hợp đồng đều tồn tại và tiềm ẩn

các rủi ro liên quan đến việc cắt giảm khối lượng/ thực hiện, ghi nhận tăng chi phí thực hiện theo kết luận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Tiềm ẩn rủi ro về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn: Tại ngày 31/12/2020, PVC vẫn còn có các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn (PVC-HN: 73 tỷ đồng; PVC-ME: 64 tỷ đồng; PVC-SG: 99 tỷ đồng) và bảo lãnh thanh toán cho PVC Thái Bình 111,8 tỷ đồng theo hợp đồng chuyển nhượng Khách sạn Dầu khí Thái Bình với PVEP. PVC đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả 137,9 tỷ đồng, PVC tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị.

- Tiềm ẩn rủi ro tiếp tục gây lỗ cho PVC từ các khoản đầu tư tài chính: tại thời điểm 31/12/2020, tổng giá trị đầu tư của PVC vào 26 đơn vị thành viên là 2.694,06 tỷ đồng. Tổng giá trị trích lập dự phòng đầu tư tài chính lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 là 1.671,68 tỷ đồng tương ứng 62% tổng giá trị đầu tư, hầu hết các đơn vị đều có khả năng kinh doanh thua lỗ trong các năm tiếp theo nên sẽ tiềm ẩn phải tiếp tục trích lập dự phòng đầu tư tài chính bổ sung.

- Tiềm ẩn rủi ro trong trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi: Tổng các khoản phải thu của Công ty mẹ PVC đến thời điểm 31/12/2020 là 2.884,79 tỷ đồng, trong đó phải thu khách hàng là 1.616,96 tỷ đồng; ứng trước cho người bán 606,88 tỷ đồng; phải thu các đơn vị từ khoản vay ủy thác của Tập đoàn và cho vay hỗ trợ vốn là 375,92 tỷ đồng, tài sản thiếu chờ xử lý là 0,72 tỷ đồng và phải thu khác là 284,31 tỷ đồng. Số trích lập lũy kế đến 31/12/2020 là 984,18 tỷ đồng. PVC sẽ tiềm ẩn rủi ro trong việc phải tiếp tục trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không được xử lý và các khoản công nợ khác dự kiến sẽ quá hạn trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

- PVC làm việc với các Chủ đầu tư/ Đối tác/ Khách hàng cũng gặp nhiều hạn chế dẫn đến hoạt động SXKD của PVC tiếp tục gặp khó khăn, đặc biệt trong công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc mới.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) bước vào thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên chấp thuận tại Nghị quyết số 216/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 24/6/2020 trong bối cảnh có nhiều khó khăn. Do đó đến cuối năm 2020, PVC đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (cổ đông lớn nhất của PVC) chấp thuận điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD tại Nghị quyết số 6180/NQ-DKVN ngày 17/12/2020. Khái quát những thuận lợi, khó khăn thách thức đối với PVC trong năm 2020 như sau:

Thuận lợi:

- Nền kinh tế trong nước đã có những bước phát triển tích cực trong năm 2020. PVC tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn), đặc biệt tại dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2. Bên cạnh đó, PVC cũng nhận được nhiều sự hỗ trợ của các Bộ/ngành, các đối tác để có thể thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020.

- Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã đề ra các định hướng, chỉ đạo đúng đắn cùng với sự đoàn kết, quyết tâm của tập thể CBCNV trong Tổng công ty trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Khó khăn:

- Sự bùng phát dịch bệnh Covid-19 trên toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình giao thương kinh tế cũng như giao thông đi lại giữa các nước. Trước ảnh hưởng diễn biến phức tạp của đại dịch PVC cũng đã bị tác động đáng kể do khó khăn trong việc mua sắm vật tư thiết bị, chậm trễ trong việc huy động cán bộ nhà thầu nước ngoài,...

- Nguồn việc xây lắp các công trình chuyển tiếp hầu như không có các công trình mới. Công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn việc mới đặc biệt khó khăn. Tại Công ty mẹ và phần lớn các đơn vị chi phối phụ thuộc nguồn việc tại 02 dự án chính là dự án NMNĐ Thái Bình 2 và dự án NMNĐ Sông Hậu 1. Trong khi tại 2 dự án này còn rất nhiều vướng mắc về cơ chế, khó khăn về tài chính chưa được giải quyết triệt để.

- Tình hình tài chính của PVC gặp nhiều khó khăn do lỗ lũy kế từ các năm trước để lại lớn, thiếu hụt về tài chính dẫn đến thiếu nguồn lực để có thể tập trung triển khai các dự án, đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2

- Các chính sách tài chính thắt chặt khiến PVC và các đơn vị vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các Ngân hàng/tổ chức tín dụng để triển khai thu xếp vốn cho các dự án.

- Các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn chủ yếu thua lỗ hoặc có số lỗ lũy kế lớn tạo nên những khó khăn cho PVC và các đơn vị thành viên trong việc thực hiện công tác tái cơ cấu, thoái vốn theo kế hoạch. Ngoài ra hầu hết vị trí các dự án bất động sản của đơn vị thành viên ở các khu vực chưa thực sự thuận lợi để thu hút đối tác nhận chuyển nhượng đầu tư.

- Những khó khăn của PVC ảnh hưởng lớn đến tâm lý của người lao động trong toàn Tổng công ty. Nhiều cán bộ, chuyên viên đã xin chuyển công tác gây thiếu hụt nguồn nhân lực cho Tổng công ty, đặc biệt là nguồn nhân lực nòng cốt có chuyên môn giỏi tại dự án NMNĐ Thái Bình 2.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 số 216/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 24/6/2020, toàn tổ hợp PVC đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trước bối cảnh có rất nhiều khó khăn như trên đã ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện kế hoạch đề ra, PVC trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			Tỷ lệ hoàn thành KH điều chỉnh (%)	Tỷ lệ 2020/2019 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.509,01	1.300,00	1.560,00	1.839,44	118%	122%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	497,43	600,00	255,00	246,69	97%	50%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.094,48	1.700,00	1.442,00	1.626,97	113%	78%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	1.087,62	1.400,00	266,00	261,31	98%	24%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(388,11)	-	-	(170,13)	-	
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	(183,80)	-	-	(152,28)	-	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(392,69)	-	-	(167,49)	-	
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	(182,64)	-	-	(152,28)	-	
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	125,90	90,00	64,00	75,39	118%	60%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	34,11	50,00	10,00	7,72	77%	23%
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,22	10,75	10,75	10,07	94%	99%
	<i>Công ty mẹ</i>		12,43	11,50	12,50	12,50	100%	101%

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 1.839,44 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch điều chỉnh năm 2020 và bằng 122% so với năm 2019; Riêng Công ty mẹ thực hiện 246,69 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch điều chỉnh năm 2020 và bằng 50% so với năm 2019.

- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 1.626,97 tỷ đồng, đạt 113% kế hoạch điều chỉnh năm 2020 và bằng 78% so với năm 2019; Riêng Công ty mẹ thực hiện 261,31 tỷ đồng, đạt 98% kế hoạch điều chỉnh năm 2020 và bằng 24% so với năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lỗ 170,13 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 152,28 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lỗ 392,69 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 182,64 tỷ đồng.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PVC tại thời điểm 31/12/2020 là 365,27 tỷ đồng, giảm 29% so với vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019.

- Lỗ lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2020 là 3.712,18 tỷ đồng.

2. Kết quả thực hiện các công tác khác

2.1. Công tác thi công các công trình/ dự án trọng điểm

Trong năm 2020, Công ty mẹ PVC chỉ triển khai thực hiện thi công tại các công trình: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, công trình Học viện An ninh Nhân dân, PVC-MS thực hiện các gói thầu tại dự án Hóa dầu Long Sơn và một số nhỏ các công trình/dự án nhỏ lẻ khác được các đơn vị thành viên như PVC-MS, DOBC, PVC-Bình Sơn thực hiện.

Các dự án trọng điểm đang được tiếp tục triển khai như sau:

- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2:

Do ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, tại dự án thực hiện cầm chừng, sản lượng cả năm 2020 thực hiện là 131,89 tỷ đồng. Tiến độ tổng thể của dự án đến thời điểm 31/12/2020 đạt 85,87% (tăng 1,91% so với thời điểm cuối năm 2019). Trong năm 2020 đã triển khai thực hiện:

+ Hoàn thiện phụ lục bổ sung số 33 hợp đồng EPC về việc Quy trình phối hợp lựa chọn nhà thầu phụ thực hiện phần công việc trong nước có giá điều chỉnh của hợp đồng EPC.

+ Kho than: Đã hoàn thành 84/84 ô sàn, toàn bộ bê tông lót của nền trục A1 hệ thống hồ thu nước và hoàn thành thi công nền băng tải trong kho than. Tuy nhiên, phần lắp đặt kết cấu thép đỉnh trệ do thiếu hụt tài chính.

+ Đang tiếp tục triển khai thi công Hệ thống hạ tầng, nhà hành chính, khu vực bãi thải xỉ.

+ Về công tác chạy thử, nghiệm thu: Nhà thầu chạy thử đã nộp được 71 quy trình chạy thử/ tài liệu của dự án. Đã hoàn thành trên 90% tài liệu với tình trạng B. Một số quy trình đã được phê duyệt cho nhà thầu để thực hiện các bước tiếp theo như hệ thống UPS, LV Switchgear, MV Switchgear, Air Compressor, Aux Boiler, DO system. Đã khảo sát tình trạng thi công lắp đặt trên công trường, lập danh sách các công việc tồn đọng trước khi nhận bàn giao cho giai đoạn chạy thử. Đến nay nhà thầu chạy thử đã tiến hành kiểm tra và xử lý các tồn đọng cho Hệ thống Lò hơi phụ, Khí nén, HFO/DO, LV Switchgear, MV/LV Switchgear. Đã thực hiện thành công việc đốt lửa lần đầu cho lò hơi phụ.

- Dự án Viện Dầu khí phía Nam:

+ *Giai đoạn 1:* Trong năm 2020, PVC và Viện Dầu khí đã thống nhất được các nội dung: (i) Thời gian thưởng & phạt trong quá trình thực hiện hợp đồng; (ii) Điều chỉnh định mức, đơn giá một số vật tư thay đổi so với TKBVTC; (iii) Bổ sung bán vẽ hoàn công, hồ sơ hoàn công cho một số công việc chưa phù hợp. Hiện nay kiểm toán VACO đang kiểm toán quyết toán, sau khi có kết quả kiểm toán, các bên sẽ ký quyết toán giai đoạn 1 của dự án.

+ *Giai đoạn 2:* Đến thời điểm hiện tại, PVC đã thực hiện giá trị sản lượng 49,30 tỷ đồng, giá trị nghiệm thu lên phiếu giá 40,24 tỷ đồng. Tuy nhiên đến nay mới nhận được thanh toán 14,71 tỷ đồng. Dự án đã tạm dừng thi công từ tháng 12/2019 do chưa được chủ đầu tư thanh toán các đợt nghiệm thu 2 và 3 dẫn đến nhà thầu thi công không đủ năng lực tài chính tiếp tục thực hiện dự án.

- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1:

+ *Gói thầu xử lý nền:* Gói thầu đã hoàn thành công tác thi công, đang trong giai đoạn bảo hành và quyết toán hợp đồng. Ngày 18/9/2020, PECC1 đã ban hành Báo cáo thẩm tra (lần 1) hạng mục Xử lý nền, theo đó Liên danh nhà thầu PVC-GEOVIETNAM đã hoàn thiện và gửi đến Lilama Bộ đơn giá mới theo công văn số 271/XLDK-BPN ngày 05/10/2020 để trình Chủ đầu tư phê duyệt làm cơ sở thanh quyết toán. Tuy nhiên, do Bộ đơn giá mới chưa được phê duyệt nên công tác thanh quyết toán hợp đồng chưa thể thực hiện, điều này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của

nhà thầu và làm phát sinh chi phí bảo lãnh thanh toán.

+ *Gói thầu các hạng mục xây dựng*: PVC đã hoàn thành thi công trong năm 2020. Phạm vi công việc của PVC đã được cập nhật lại theo đơn giá mới và khối lượng theo thiết kế thi công được duyệt, bị cắt giảm phạm vi công việc dẫn đến giá trị sản lượng tổng thể của Hợp đồng còn lại là 957,43 tỷ đồng (giảm 203,11 tỷ đồng so với PLBS số 14). Các nội dung vướng mắc về đơn giá, điều chỉnh tăng tỷ lệ tạm thanh toán như PVC đã báo cáo tại các báo cáo năm 2020 đến nay vẫn chưa được Tập đoàn/Ban QLDA rà soát tháo gỡ.

2.2. Công tác tái cơ cấu

Công tác thoái vốn góp của PVC tại các đơn vị:

Trong năm 2020, PVC đã hoàn thành công tác thoái vốn tại 03 đơn vị PVCLand, Long Sơn PIC, Petrowaco và giảm vốn điều lệ PVC- Duyên Hải, cụ thể:

- Thoái vốn tại PVC Land: Hoàn thành công tác thoái vốn tại PVCLand với giá chuyển nhượng 892 đồng/cổ phần, tổng giá trị thu về 17,039 tỷ đồng/203,973 tỷ đồng giá trị PVC đã đầu tư.

- Thoái vốn tại Long Sơn PIC: Hoàn thành công tác thoái vốn tại Long Sơn PIC (PXL) theo phương thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán với giá chuyển nhượng là 10.300 đồng/cp, tổng giá trị thu về là 136,33 tỷ đồng/136,07 tỷ đồng giá trị góp vốn của PVC.

- Thoái vốn tại Petrowaco: Hoàn thành công tác thoái vốn tại Petrowaco (PWA) theo phương thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán với giá chuyển nhượng là 12.800 đồng/cp, tổng giá trị thu về là 18,759 tỷ đồng/16,76 tỷ đồng giá trị góp vốn của PVC.

- Giảm một phần vốn điều lệ tại PVC- Duyên Hải: ĐHĐCĐ của PVC-Duyên Hải đã thông qua chủ trương giảm 25% vốn điều lệ thực góp của đơn vị theo phương án hoàn trả tiền cho các cổ đông. PVC-Duyên Hải đã ban hành Quyết định giảm vốn theo yêu cầu của Sở KHĐT Thành phố Hải Phòng và thực hiện thủ tục giảm vốn điều lệ, hoàn trả tiền cho các cổ đông theo quy định, theo đó PVC thu về 19,35 tỷ đồng..

- Bên cạnh đó PVC vẫn đang tích cực triển khai các thủ tục và công tác thoái vốn PVC-Bình Sơn, PVC-IC, xúc tiến tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm để thực hiện thoái vốn tại các đơn vị PVC-Kinh Bắc, Petrolink,....

2.3. Công tác thoái/ thu hồi vốn tại các dự án:

- *Công tác chuyển giao dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang*: PVC đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ cũng như yêu cầu của UBND tỉnh Tiền Giang, tổ chức bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/hợp đồng thuê đất và bàn giao thực địa khu công nghiệp cho UBND tỉnh Tiền Giang vào ngày 01/10/2018. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa được hoàn trả chi phí PVC đã thực hiện đầu tư (143,07 tỷ đồng). Hiện PVC đang kiến nghị Tập đoàn có phương án hỗ trợ và làm việc với các Bộ/Ban/Ngành chức năng xem xét tiếp tục giao lại cho PVC làm chủ đầu tư dự án.

- *Công tác thoái vốn tại các dự án của đơn vị*: PVC Đông Đô đã thực hiện thành công bán đấu giá phần vốn góp của đơn vị tại dự án Nam An Khánh trong năm 2020.

2.4. Công tác hợp đồng kinh tế, tài chính, kế toán và kiểm toán

- *Công tác tiếp thị đấu thầu và ký kết hợp đồng kinh tế*:

+ Năm 2020, Công ty mẹ không có hợp đồng ký mới. Các công ty con ký kết được 09 hợp đồng với các Chủ đầu tư/Tổng thầu với tổng giá trị các hợp đồng là 130,49 tỷ đồng. Trong đó PVC-MS ký kết 06 hợp đồng với giá trị 44,61 tỷ đồng, DOBC ký được 02 hợp đồng với tổng giá trị 71,91 tỷ đồng, PVC- Đông Đô ký được 01 hợp đồng với giá trị 13,97 tỷ đồng.

+ Các Ban điều hành dự án thuộc Công ty mẹ đã thực hiện ký kết 06 hợp đồng thầu phụ. Trong đó tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1 ký kết 02 hợp đồng thầu phụ trong công tác thi công các phần việc thuộc hạng mục kho than với tổng giá trị 55,03 tỷ đồng; tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 ký kết 04 hợp đồng thầu phụ với tổng giá trị 305,39 tỷ đồng.

- *Công tác quyết toán các dự án tồn đọng:*

+ Hoàn thành quyết toán với Chủ đầu tư và các nhà thầu tại dự án Thi công san lấp và xử lý nền - DA Đầu tư xây dựng Công trình Nhà máy Xử lý khí Cà Mau.

+ Tại dự án Chung cư Phú Đạt: đã hoàn thành quyết toán với Chủ đầu tư. Tuy nhiên, việc quyết toán với thầu phụ còn tồn đọng chưa xử lý được do nhà thầu Vinaconex 39 không phản hồi dự thảo giá trị quyết toán Hợp đồng.

2.5. Công tác tài chính, kế toán, kiểm toán:

- Hoàn thành quyết toán chi phí quản lý năm 2019 và phê duyệt dự toán chi phí quản lý năm 2020 của Cơ quan Tổng công ty; Hoàn thành công tác kiểm tra, quyết toán chi phí quản lý năm 2019 và phê duyệt dự toán chi phí quản lý năm 2020 của các Ban ĐHDA thuộc PVC.

- Cân đối dòng tiền, thu xếp vốn các dự án và các khoản chi thường xuyên. Làm việc với ngân hàng để tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn dòng tiền thực hiện giải ngân tại dự án NMNĐ Thái Bình 2.

- Năm 2020, PVC đã trả nợ gốc vay ủy thác được 74,352 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, số dư các khoản nợ vay ủy thác của Tổng công ty/các đơn phải trả PVN là: (i) Dư nợ gốc: 690,38 tỷ đồng trong đó PVC phải thu các đơn vị: 365 tỷ đồng bao gồm: KS Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 142,37 tỷ đồng; PVNC: 22,62 tỷ đồng; khoản PVC sử dụng 325,38 tỷ đồng. Lãi vay PVC còn phải trả PVN tính đến thời điểm 31/12/2020 là 136 tỷ đồng trong đó: Lãi trong hạn PVC chưa thanh toán: 92 tỷ đồng, tiền phạt chậm trả lãi, gốc: 44 tỷ đồng. PVC vẫn đang tiếp tục có văn bản gửi PVN đề nghị PVN trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận miễn giảm các khoản chi phí lãi vay ủy thác.

- Hiện nay, PVC vẫn còn có các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn (PVC-HN: 73 tỷ đồng; PVC-ME: 64 tỷ đồng; PVC-SG: 99 tỷ đồng). Các khoản bảo lãnh này đều đã quá hạn, PVC đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả đến thời điểm hiện tại là: 137,9 tỷ đồng. Trong năm 2020 không có phát sinh liên quan đến các đơn vị về khoản bảo lãnh, trích lập dự phòng. Các đơn vị được PVC bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức tín dụng đều đang rất khó khăn về tài chính, kết quả kinh doanh thua lỗ, tiềm ẩn rủi ro không trả được nợ vay ngân hàng. PVC tiếp tục đề nghị NĐDPV của PVC tại các đơn vị tìm mọi giải pháp, thu xếp nguồn vốn để trả nợ ngân hàng theo các điều khoản đã ký kết với các tổ chức tín dụng hoặc làm việc với các tổ chức tín dụng để gia hạn các khoản vay. Bên cạnh đó, PVC tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của PVC.

- *Về công tác thu hồi/xử lý công nợ:* Trong năm 2020, PVC đã tập trung xử lý thu hồi được tổng số tiền 80,45 tỷ đồng đạt 28% kế hoạch đề ra, cụ thể: PVC-MT (3,0 tỷ đồng), PVC-Mekong (2,46 tỷ đồng), PVNC (3,0 tỷ đồng), TID (0,6 tỷ đồng) và Long Sơn PIC (71,39 tỷ đồng). Bên cạnh đó, tiếp tục xử lý thu hồi các khoản công nợ khác đủ điều kiện như khoản phải thu PVNC thông qua thu tiền chuyển nhượng CP Xi măng 12/9 bằng việc mua xi măng Vissai (5,3 tỷ đồng), bù trừ một phần tiền thuê trụ sở văn phòng tại tòa nhà Sannam với tiền giữ lại theo Hợp đồng số 43/2016/HĐCN/PVCHN-PVCPT v/v Chuyển nhượng máy móc, thiết bị thi công chưa sử dụng (0,31 tỷ đồng) và Hợp đồng số 122/2010/PVC-PVCHN ngày 21/10/2010 về việc “Thi công gói thầu PK09 – Kết cấu phần thân (tầng 1,2) thuộc dự án Dolphin Plaza” (0,7 tỷ đồng), PVL và PVC (804 triệu đồng). Đồng thời triển khai công tác xử lý

nợ chéo giữa PVC-Mekong và PVC-3C (2,76 tỷ đồng), giữa PVC-PVC2-DOBC (4,629 tỷ đồng).

- Tổng các khoản phải thu của Công ty mẹ PVC đến thời điểm 31/12/2020 là 2.884,79 tỷ đồng. Trong đó: phải thu khách hàng là 1.616,96 tỷ đồng, phải thu trả trước người bán là 606,88 tỷ đồng, phải thu các đơn vị từ khoản vay ủy thác của Tập đoàn và cho vay hỗ trợ vốn là 375,92 tỷ đồng, tài sản thiếu chờ xử lý là 0,72 tỷ đồng và phải thu khác là 284,31 tỷ đồng. Công ty mẹ PVC đã thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu quá hạn/ khó đòi với tổng số tiền là 984,18 tỷ đồng.

- Số dư nợ chưa xử lý được theo kế hoạch chủ yếu là các khoản nợ liên quan đến quyết toán các dự án/ công trình chậm/ không hoàn thành so với tiến độ đề ra như: Khách sạn dầu khí Thái Bình, Chung cư Phú Đạt, dự án NMNĐ Vũng Áng- Quảng Trạch. Ngoài ra, phần lớn các đơn vị thành viên vẫn đang rất khó khăn về tài chính chưa có khả năng thanh toán (PVC-HN, PVC-ME, PVC-Mekong,...), một số đơn vị không thiện chí hợp tác để xử lý công nợ (Vissai, Trường Sơn, PVR).

2.6. Công tác đầu tư

- Đầu tư tài chính

+ Đến thời điểm 31/12/2020, Công ty mẹ PVC có vốn góp tại 26 đơn vị với giá trị đầu tư 2.694,06 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 08 Công ty con là 1.752,41 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 735,45 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (07 đơn vị) 206,20 tỷ đồng.

+ Năm 2020, PVC thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính 115,74 tỷ đồng, bao gồm: trích lập bổ sung là 121,63 tỷ đồng và được hoàn nhập 237,37 tỷ đồng (Trong đó, chủ yếu hoàn nhập khoản đã trích lập cho phần vốn góp tại PVCLand: 192,44 tỷ đồng và Long Sơn PIC: 31,9 tỷ đồng). Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2020 là 1.671,68 tỷ đồng tương ứng 62% tổng giá trị đầu tư.

- Đầu tư bất động sản, XD CB, hạ tầng và mua sắm máy móc thiết bị: Năm 2020, Công ty mẹ PVC và các đơn vị thành viên không thực hiện đầu tư.

2.7. Công tác lao động, tiền lương, đào tạo

- Đã triển khai thực hiện thủ tục kiện toàn, thay đổi, giới thiệu công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị: PVC-ID, PVC-Thái Bình, DOBC, PVC-Đông Đô, PVC-Duyên Hải, PVC-MT, PVC-MS, PVC-IC, PVC-HN, PVC-TH, KS Lam Kinh.

- Công tác ký kết hợp đồng lao động và giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động được thực hiện theo đúng quy định của PVC và Pháp luật hiện hành. Tổng số CBCNV đến thời điểm cuối năm 2020 của toàn Tổng công ty (bao gồm Công ty mẹ và 08 đơn vị chi phối) là 1.755 người, riêng lao động tại Công ty mẹ là 264 người.

- Trong năm 2020, PVC đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương Cơ quan Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-XLKD ngày 10/3/2020 và điều chỉnh mức tiền lương tại Quy chế trả lương của Tổng công ty theo Quyết định số 2227/QĐ-XLKD ngày 25/11/2020 để đảm bảo việc trả lương tại cơ quan Tổng công ty gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty mẹ Tổng công ty. Thu nhập bình quân năm 2020 của lao động định biên toàn Tổng công ty là 10,07 triệu đồng/người/tháng, bằng 94% kế hoạch năm. Trong đó Công ty mẹ là: 12,5 triệu đồng/người/tháng, bằng 100% kế hoạch năm.

3. Đánh giá chung:

3.1. Kết quả đạt được

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty và 12 đơn vị trong Tổng công ty, trong đó, 7/8 đơn vị chi phối của PVC đã tổ

chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Hoàn thành thoái toàn bộ phần vốn góp tại 03 đơn vị: PVCLand, Long Sơn-PIC, Petrowaco, tổng giá trị thu về là 172,13 tỷ đồng. Thực hiện giảm 25% vốn điều lệ của PVC-Duyên Hải, PVC đã thu về 19,35 tỷ đồng.

- PVC/các đơn vị đã trả nợ cho Tập đoàn các khoản vay uỷ thác 74,352 tỷ đồng.

- Hoàn thành quyết toán với Chủ đầu tư và các nhà thầu tại dự án Thi công san lấp và xử lý nền- Dự án Đầu tư xây dựng Công trình Nhà máy Xử lý khí Cà Mau. Tại dự án Chung cư Phú Đạt, đã hoàn thành quyết toán với Chủ đầu tư.

- Các đơn vị đã có nhiều nỗ lực tiếp thị, tham gia dự thầu tại một số công trình dự án để tạo nguồn công việc mới. Trong năm 2020, PVC-MS, DOBC và PVC-Đông Đô đã ký kết được 09 hợp đồng mới với các Chủ đầu tư/Tổng thầu với tổng giá trị là 130,49 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ ký với các đơn vị ngoài ngành chiếm 69% tổng giá trị.

3.2. Một số hạn chế, tồn tại

Trong việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, PVC gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc từ các nguyên nhân khách quan và chủ quan làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch, cụ thể:

- Kế hoạch năm 2020 của PVC và các đơn vị được xây dựng trên cơ sở các dự án/ công việc được dự kiến tháo gỡ khó khăn về cơ chế chính sách. Tuy nhiên thực tế triển khai thì việc tháo gỡ khó khăn chưa được hỗ trợ kịp thời (đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2), dẫn đến PVC không thể hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải trình Tập đoàn chấp thuận phê duyệt điều chỉnh kế hoạch.

- Trong 08 đơn vị chi phối có kết quả SXKD năm 2020 hợp nhất vào PVC, có 04 đơn vị có lãi tuy nhiên giá trị lợi nhuận sau thuế đạt được rất thấp PVC-MS lãi 3,39 tỷ đồng, PVC-Petroland lãi 2,01 tỷ đồng và PVC-Bình Sơn lãi 0,18 tỷ đồng, PVC-Mekong lãi 10,14 tỷ đồng (Lợi nhuận của PVC-Mekong có được là do hạch toán giảm trừ chi phí trích trước khi hoàn thành quyết toán dự án NM Xử lý GPP Cà Mau). Trong khi đó, 04 đơn vị còn lại có kết quả kinh doanh năm 2020 thua lỗ với tổng giá trị lợi nhuận sau thuế là âm 165,60 tỷ đồng. Công ty mẹ phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dẫn đến tăng lỗ đối với chỉ tiêu lợi nhuận.

- Tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: PVC đã có nhiều văn bản báo cáo về các vướng mắc trong quá trình thực hiện và cũng đã được Tập đoàn từng bước tháo gỡ tuy nhiên phương án tổng thể để tiếp tục triển khai hoàn thành dự án vẫn chưa có cơ sở thực hiện. Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện thi công tại dự án NMNĐ Thái Bình 2:

+ Do tình hình phức tạp của đại dịch Covid-19 trong năm 2020 đã ảnh hưởng sâu sắc đến việc huy động chuyên gia và mua sắm vật tư thiết bị.

+ Toàn bộ khối lượng công việc nghiệm thu hoàn thành từ đầu năm 2019 đến nay vẫn chưa được Ban QLDA thanh toán do chưa được Tập đoàn cấp vốn. Hiện nay, việc thanh toán của PVC cho các nhà thầu phụ phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn thanh toán từ Chủ đầu tư, do đó năm 2020 PVC và các nhà thầu phụ gặp khó khăn trong việc huy động tài chính để tiếp tục triển khai các công việc còn lại tại dự án.

+ Do chưa thống nhất cơ cấu giá hợp đồng EPC dẫn đến sản lượng dở dang tại dự án lớn do vướng mắc trong việc lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán đối với các công việc PVC đã hoàn thành.

+ Các vướng mắc về định mức/ đơn giá hợp đồng EPC chưa phù hợp với thực tế thi công và bản vẽ thiết kế được duyệt dẫn đến thiếu hụt dòng tiền để tiếp tục triển khai dự án.

+ Do vướng mắc về hoàn thiện hồ sơ chất lượng trong các giai đoạn thi công trước đây dẫn đến thiếu đồng bộ về hồ sơ nghiệm thu theo quy định;

- Tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1: Do dự án đã đến giai đoạn cuối nên phạm vi công việc của PVC đã được cập nhật lại theo đơn giá mới và khối lượng theo thiết kế thi công được duyệt, tại dự án bị cắt giảm phạm vi công việc dẫn đến giá trị sản lượng tổng thể của Hợp đồng còn lại là 957,43 tỷ đồng (giảm 203,11 tỷ đồng so với PLBS số 14). Bên cạnh đó, hiện nay phương pháp điều chỉnh giá theo quy định tại dự án đã được Tập đoàn phê duyệt và các bên đã ký Phụ lục thống nhất phương pháp điều chỉnh giá. Tuy nhiên nhà thầu chưa đủ cơ sở để lập dự toán do tiến độ cấp 3 chưa được phê duyệt, đồng thời Chủ đầu tư/ Tổng thầu vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể để nhà thầu thực hiện. Nhiều hạng mục đã thi công xong nhưng chưa có đơn giá hoặc đơn giá chưa phù hợp, Chủ đầu tư đã thuê Viện Kinh tế để xây dựng định mức đơn giá mới nhưng đến nay vẫn chưa thống nhất được đơn giá để làm cơ sở tạm thanh toán. Ngày 31/12/2019, phụ lục điều chỉnh tăng tỷ lệ đơn giá tạm thanh toán lên đến 90% đã được các bên ký kết. Tuy nhiên, sau đó Tập đoàn/ Chủ đầu tư lại tạm dừng thanh toán giá trị này chờ Lilama giải trình làm rõ. Từ các nguyên nhân nêu trên nên PVC cũng như các nhà thầu thi công thiếu hụt nguồn tài chính dẫn đến việc tạm dừng/ tạm giãn tiến độ thi công.

- Công tác tái cơ cấu, thoái vốn đầu tư tại một số đơn vị còn chậm. Trong quá trình thực hiện, do đặc thù phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PVC đều thua lỗ/ có giá trị lỗ lũy kế lớn nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, cơ chế hướng dẫn đối với việc thoái phần vốn góp tại các đơn vị chưa rõ ràng cũng gây ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch thoái vốn của PVC.

- Công tác xử lý nợ, thu hồi các khoản công nợ đến hạn/ quá hạn của Tổng công ty và các đơn vị còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi, đặc biệt là các khoản nợ chéo giữa các đơn vị tại các Dự án. Hầu hết các đơn vị thành viên của PVC hiện nay đều đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD và tài chính, tài sản của các đơn vị hoặc không có hoặc đã cầm cố/thế chấp do đó đơn vị không thể thu xếp được nguồn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho PVC.

- Thời gian qua, việc thanh kiểm tra của các cơ quan chức năng, công tác điều tra của cơ quan an ninh/cơ quan bảo vệ pháp luật đồng loạt liên quan đến các dự án Vũng Áng, Quảng Trạch, Ethanol, PVTex, Gói thầu số 3-5 dự án Thái Bình 2, San lấp mặt bằng nhà máy và Khu 25ha dự án Lọc hóa Dầu Nghi Sơn đã làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác quyết toán công trình, xử lý/thu hồi công nợ của Tổng công ty.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021, PVC tiếp tục phải đối diện với các khó khăn về việc tìm kiếm nguồn công việc cũng như các rủi ro tiềm ẩn tiếp tục bộc lộ. Tổng Công ty PVC đã xây dựng mục tiêu kế hoạch năm 2021 kính trình Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2021

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020			Kế hoạch năm 2021
			Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)	
1	Giá trị SXKD	tỷ đồng	1.560,00	1.839,44	118%	1.368,00
	Công ty mẹ	tỷ đồng	255,00	246,69	97%	457,00
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	1.442,00	1.626,97	113%	1.383,00

	Công ty mẹ	tỷ đồng	266,00	261,31	98%	677,00
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	-	(170,13)	-	-
	Công ty mẹ	tỷ đồng	-	(152,28)	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-	(167,49)	-	-
	Công ty mẹ	tỷ đồng	-	(152,28)	-	-
5	Nộp NSNN	tỷ đồng	64,00	75,39	118%	80,00
	Công ty mẹ	tỷ đồng	10,00	7,72	77%	26,00
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,75	10,07	94%	9,35
	Công ty mẹ	Tr.đ/ tháng	12,50	12,50	100%	12,50

1.2. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Xây dựng phương án tái cấu trúc lại toàn bộ PVC, sắp xếp lại mô hình tổ chức từ Công ty mẹ Tổng công ty đến các Đơn vị thành viên, Công ty con, Công ty liên kết đảm bảo tinh gọn, hiệu quả theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Hoàn thành thoái vốn góp của Công ty mẹ tại PVC-IC và thực hiện thoái vốn góp tại các đơn vị khác tại thời điểm phù hợp đảm bảo không làm ảnh hưởng xấu đến kết quả SXKD của Tổng công ty.

- Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung nâng cao năng lực thi công, khả năng cạnh tranh để trở thành một nhà thầu EPC chuyên nghiệp có đủ kinh nghiệm và năng lực, có khả năng đảm nhiệm xây lắp các dự án lớn trong và ngoài ngành; mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, dần hạn chế mức độ phụ thuộc vào các dự án trong ngành.

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy điều hành từ Tổng công ty tới các ban điều hành dự án, đồng thời tổ chức sắp xếp lại nhân sự dự án, lao động cho phù hợp nhằm nâng cao năng suất lao động và tiết giảm chi phí quản lý đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2021.

- Đối với Dự án NMNĐ Thái Bình 2: Nâng cao trách nhiệm của Tổng thầu EPC trong việc thực hiện hợp đồng EPC, theo đó chủ động xử lý/ giải quyết công việc thuộc phạm vi hợp đồng EPC đã ký, chủ động bám sát cấp có thẩm quyền để xin hướng dẫn thực hiện các khó khăn vướng mắc còn tồn tại làm cơ sở đàm phán, điều chỉnh hợp đồng EPC, điều chỉnh các mốc tiến độ bảo đảm đưa nhà máy vào vận hành trong năm 2021-2022; Đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh toán để quay vòng dòng tiền triển khai thi công dự án; Rà soát hiện trạng, đánh giá lại năng lực thi công, tài chính,... để có phương án triển khai các hạng mục công việc còn lại; Chủ động cân đối nguồn vốn, dự trù chi phí để sử dụng cho các công việc phát sinh trong giai đoạn chạy thử, nghiệm thu; Xây dựng phương án khi có rủi ro đối với các nhà cung cấp thiết bị nước ngoài.

- Đối với dự án NMNĐ Sông Hậu 1: Hoàn thành thi công, bàn giao và thanh quyết toán gói thầu/hạng mục thuộc Dự án; Phối hợp với chủ đầu tư, tổng thầu Lilama để thực hiện các yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước, thực hiện các khuyến cáo của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước, xử lý các ý kiến của Thanh tra Bộ Xây dựng.

- Hoàn thành công tác thi công các hạng mục công trình tại giai đoạn 2 và quyết toán toàn bộ Dự án Trung tâm phân tích thí nghiệm và văn phòng Viện Dầu khí tại Tp. Hồ Chí Minh.

- Chỉ đạo quyết liệt trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình, thu hồi nợ cá nhân, bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, quản lý dòng tiền theo từng dự án/ gói thầu/ hạng mục công việc, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng vốn từ Công ty mẹ tới các doanh nghiệp có vốn góp, đồng thời nâng cao năng lực hoạt động, tự chủ trong hoạt động SXKD, tránh lệ thuộc vào Công ty mẹ, đặc biệt về công ăn việc làm.

- Thường xuyên thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá và giám sát tình hình hoạt động, tài chính của các doanh nghiệp có vốn góp của PVC để có các giải pháp hỗ trợ và xử lý kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn của Công ty mẹ.

- Xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng, đặc biệt việc xử lý công nợ và vật tư tài sản tồn đọng.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng thương hiệu của các đơn vị thành viên theo đúng quy định của Tập đoàn.

- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, cân đối dòng tiền và quản trị rủi ro.

- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân sự, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công để có thể triển khai các công trình/ dự án trọng điểm của Tập đoàn và của các chủ đầu tư giao, đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ của Tổng công ty.

- Cân đối dòng tiền, có kế hoạch hoàn trả vốn ủy thác mà Tập đoàn đã cho PVC và các công ty con vay theo đúng quy định và pháp luật hiện hành.

2. Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021

2.1. Công tác tái cấu trúc

Rà soát, xây dựng kế hoạch và phương án tái cấu trúc của PVC giai đoạn 2021-2025 trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt, theo đó tập trung:

(i) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động của 02 đơn vị nòng cốt của PVC là PVC-MS và DOBC;

(ii) Tập trung thoái phần vốn góp của PVC tại các đơn vị khi đủ điều kiện và đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Đối với những đơn vị chưa đáp ứng đủ điều kiện về tài chính và pháp luật sẽ tiếp tục bố trí những lãnh đạo có năng lực, đạo đức, kinh nghiệm để tiếp tục xây dựng đơn vị phát triển gia tăng giá trị doanh nghiệp nhằm thoái vốn của PVC tại các đơn vị.

+ Đối với những đơn vị hoạt động không hiệu quả, trong tình trạng phá sản mà chưa có cơ chế phá sản có thể cho dừng hoạt động, sau khi có cơ chế hướng dẫn của Nhà nước sẽ tiến hành các thủ tục phá sản theo quy định.

+ Đối với các công ty liên kết, đầu tư tài chính: Sẽ tìm kiếm các nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần hoặc chờ cơ chế của Nhà nước cho phép thoái vốn theo giá thị trường (đối với cổ phiếu niêm yết trên sàn chứng khoán có giá thị trường thấp hơn giá trị đầu tư) để thoái vốn theo quy định.

Tiếp tục đôn đốc các đơn vị thành viên đẩy mạnh và chú trọng triển khai công tác thoái vốn tại các dự án bất động sản nhằm tập trung nguồn lực cho hoạt động xây lắp tại các dự án.

2.2. Công tác tiếp thị đấu thầu

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác đấu thầu. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nguồn dữ liệu, trong đó bao gồm dữ liệu và hồ sơ năng lực kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự, Hồ sơ năng lực nhân sự, hồ sơ máy móc thiết bị, dữ liệu về nhà cung cấp, định mức, đơn giá nội bộ của Tổng công ty.

- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, đẩy mạnh thực hiện công tác tìm kiếm thông tin, tiếp cận thông tin các gói thầu trong và ngoài ngành Dầu khí, cụ thể:

+ Triển khai tiếp xúc các dự án do PVN làm chủ đầu tư để thực hiện.

+ Tiếp xúc các dự án do EVN làm chủ đầu tư như dự án Quảng Trạch và một số

dự án khác.

+ Xúc tiến, tiếp thị đấu thầu các dự án đầu tư công của Nhà nước, Bộ quốc phòng, an ninh, các dự án của các nhà đầu tư tư nhân và nước ngoài.

- Hợp tác với Tổng công ty Lũng Lô, Tổng công ty xây dựng Hàng không (ACC) đồng thời hợp tác với các đối tác nước ngoài như: Posco, Daelim (Hàn quốc) tạo sự cộng hưởng và tăng năng lực thực hiện dự án của PVC.

2.3. Công tác tài chính kế toán

- Lập kế hoạch, chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho các công trình/dự án đang thi công cũng như hoạt động SXKD của Tổng công ty trong năm 2021, đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2. Tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

- Tính toán hiệu quả kinh tế, tiết giảm tối đa chi phí quản lý, tối đa hóa lợi nhuận tại các dự án, kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tăng cường kiểm soát tài chính tại các Ban điều hành dự án, làm việc với các đơn vị xem xét hiệu quả, thực trạng và có biện pháp tăng cường hạch toán kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán tại các Ban điều hành, các đơn vị thành viên từ đó có những chỉ đạo cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán. Kiện toàn bộ máy làm công tác tài chính kế toán từ công ty mẹ tới các Công ty con và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty.

- Tiếp tục rà soát các khoản công nợ phải thu, giá trị khối lượng dở dang tại các công trình/dự án, các đơn vị. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/ xử lý nợ trong năm 2021 và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.

2.4. Công tác chỉ đạo, điều hành thi công tại các công trình

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành thi công và triển khai các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư/ Tổng thầu.

- Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2:

+ Trên cơ sở đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án, PVC phối hợp với Ban QLDA, tư vấn, các nhà thầu phụ đánh giá tính khả thi của các mốc tiến độ theo hợp đồng, phân tích các kịch bản và đưa ra giải pháp về tiến độ hoàn thành dự án, trình cấp có thẩm quyền chấp thuận làm cơ sở quản lý, theo dõi và tổ chức thực hiện.

+ Nâng cao vai trò trách nhiệm của Tổng thầu EPC trong việc thực hiện hợp đồng EPC, chủ động xử lý, giải quyết công việc thuộc phạm vi hợp đồng EPC đã ký. Chủ động bám sát cấp có thẩm quyền xin hướng dẫn/ chấp thuận một số cơ chế chính sách đặc thù áp dụng trong quá trình triển khai Dự án NMNĐ Thái Bình 2 làm cơ sở đàm phán, điều chỉnh hợp đồng EPC.

+ Rà soát tổng thể các hợp đồng giữa PVC và PVN, giữa PVC và các nhà thầu thi công, khẩn trương điều chỉnh thông qua các phụ lục hợp đồng. Chủ động đề xuất điều chuyển, cắt giảm phạm vi công việc, thay thế bằng nhà thầu khác có năng lực đối với các nhà thầu không đáp ứng yêu cầu tại dự án.

+ Tập trung xử lý các tranh chấp hợp đồng thầu phụ, đặc biệt là các hợp đồng thầu phụ với nhà thầu nước ngoài.

+ Tiếp tục chủ động làm việc với Ban QLDA để điều chỉnh các mốc thanh toán cho phù hợp với tình hình thực tế tại công trường. Tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu SXKD.

+ Củng cố, tăng cường bộ máy trong công tác nghiên cứu các quy định của hợp

đồng, quy định pháp luật để có thể bảo vệ quyền lợi PVC nếu xảy ra tranh chấp hoặc có kế hoạch ký hợp đồng dài hạn với đơn vị tư vấn luật để hỗ trợ PVC.

- Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát thi công trên các công trường, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình thi công. Tổ chức thi công khoa học, quản lý, theo dõi chặt chẽ các đơn vị thi công để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PVC.

- Quyết liệt thực hiện công tác quyết toán tại các công trình/ dự án đã hoàn thành công tác thi công như: dự án NMNĐ Vũng Áng 1, gói thầu Xử lý nền- NMNĐ Sông Hậu 1, dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình,....

- Rà soát đánh giá năng lực của các đơn vị, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các đơn vị trong công tác thi công xây dựng. Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát và chỉ đạo các đơn vị trong quá trình triển khai dự án.

- Tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong toàn Tổng công ty, chuẩn hóa các quy trình, quy định về quản lý, tổ chức thi công, tổ chức công trường, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân.

2.5. Công tác tổ chức quản lý, nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty đảm bảo phù hợp với các Quy định của Nhà nước và điều lệ của Tổng công ty.

- Tiếp tục kiện toàn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu gọn nhẹ, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Rà soát triển khai xây dựng Phương án định biên lao động của các Ban/Văn phòng Tổng công ty phù hợp thực tế yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

- Thực hiện công tác quản lý, đôn đốc và giám sát thực hiện về lao động, tiền lương, thu nhập và chế độ chính sách của công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn và thực tế hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Tăng cường thu hút và duy trì và đào tạo nguồn nhân lực để có thể triển khai các công trình/ dự án đảm bảo tiến độ và chất lượng yêu cầu. Duy trì và tăng cường đào tạo nội bộ tại công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2021 của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty:

Năm 2020 tiếp tục là một năm đầy thách thức trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Công ty mẹ Tổng công ty và các đơn vị thành viên tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn do lỗ lũy kế từ giai đoạn trước để lại, hạn chế về nguồn việc làm cũng như nguồn lực tài chính, con người. Dịch bệnh Covid-19 lan rộng trên toàn cầu cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch của PVC. Bên cạnh đó, các dự án đang triển khai cũng tiềm ẩn rất nhiều các rủi ro, nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả của dự án nói riêng, hiệu quả hoạt động SXKD của toàn Tổng công ty nói chung.

Kế hoạch năm 2020 được PVC xây dựng trên cơ sở dự kiến được tháo gỡ khó khăn về cơ chế chính sách tại các dự án/ công việc. Tuy nhiên thực tế triển khai thì việc tháo gỡ khó khăn chưa được hỗ trợ kịp thời (đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2), dẫn đến PVC không thể hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và PVC đã trình và được cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt điều chỉnh kế hoạch.

Trên cơ sở Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, Hội đồng quản trị đã xây dựng chương trình làm việc, đưa ra các định hướng, chỉ đạo Tổng giám đốc xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp cụ thể nhằm khai thác tối đa các yếu tố thuận lợi, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV trong toàn Tổng công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch đề ra và đã đạt được một số kết quả sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty và 12 đơn vị trong Tổng công ty, trong đó, 7/8 đơn vị chi phối của PVC đã tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Về kết quả sản xuất kinh doanh:
 - + Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVC đã nỗ lực tìm kiếm và thực hiện nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, đặc biệt đơn vị thành viên PVC-MS đã có rất nhiều nỗ lực trong công tác triển khai thi công gói thầu A2- dự án Lọc hóa dầu Long Sơn. Kết quả PVC đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 điều chỉnh, tuy nhiên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của toàn tổ hợp và Công ty mẹ PVC vẫn thua lỗ.
 - + Trong 08 đơn vị chi phối có kết quả SXKD năm 2020 hợp nhất vào PVC, có 04 đơn vị có lãi tuy nhiên giá trị lợi nhuận sau thuế đạt được rất thấp PVC-MS lãi 3,39 tỷ đồng, PVC-Petroland lãi 2,01 tỷ đồng và PVC-Bình Sơn lãi 0,18 tỷ đồng, PVC-Mekong lãi 10,14 tỷ đồng; 04 đơn vị còn lại có kết quả kinh doanh năm 2020 thua lỗ với tổng giá trị lợi nhuận sau thuế là âm 165,60 tỷ đồng. Công ty mẹ phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dẫn đến tăng lỗ đối với chỉ tiêu lợi nhuận

- Tại dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2:
 - + Trong năm 2020 do vướng mắc về cơ cấu nguồn vốn triển khai dự án của Chủ đầu tư, vướng mắc trong việc triển khai kết luận của Thanh tra Chính phủ về dự án, dẫn đến Chủ đầu tư không giải ngân cho các công việc PVC đã thực hiện, dự án thực hiện cầm chừng.
 - + Tổng tiến độ thực hiện năm 2020 đạt khoảng 2%. Đến thời điểm 31/12/2020, tiến độ tổng thể của dự án đạt khoảng 85,87%.
 - + Sau khi có kết luận của Phó Thủ tướng thường trực Trương Hòa Bình tháo gỡ các vướng mắc để tiếp tục triển khai thực hiện dự án sau khi có kết luận của Thanh Tra Chính phủ, tháng 1/2021 Chủ đầu tư mới tiếp tục thực hiện giải ngân cho các công việc đã hoàn thành để PVC có dòng tiền triển khai các công việc cấp bách tại dự án.
- Công tác thoái vốn, tái cơ cấu:
 - + Hoàn thành thoái toàn bộ phần vốn góp tại 03 đơn vị: PVCLand, Long Sơn-PIC, Petrowaco, tổng giá trị thu về là 172,13 tỷ đồng. Thực hiện giảm 25% vốn điều lệ của PVC-Duyên Hải, PVC đã thu về 19,35 tỷ đồng.
 - + Tiếp tục tìm giải pháp thoái vốn tại PVC-Bình Sơn, PVC-IC, Petroland theo kế hoạch Tái cơ cấu PVC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tuy nhiên, công tác tái cơ cấu, thoái vốn đầu tư tại một số đơn vị còn chậm, do đặc thù phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PVC đều thua lỗ/ có giá trị lỗ lũy kế lớn nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, cơ chế hướng dẫn đối với việc thoái phần vốn góp tại các đơn vị chưa rõ ràng cũng gây ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch thoái vốn của PVC.
 - + Công tác thoái vốn tại các dự án của đơn vị: PVC Đông Đô đã thực hiện thành công bán đấu giá phần vốn góp của đơn vị tại dự án Nam An Khánh.
- Công tác tiếp thị đấu thầu và ký kết hợp đồng kinh tế:
 - + Tình hình tài chính của PVC gặp nhiều khó khăn do lỗ lũy kế từ các năm trước để lại lớn, thiếu hụt về tài chính dẫn đến thiếu nguồn lực để có thể tập trung triển khai các dự án, đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, thiếu nguồn lực tài chính cũng làm ảnh hưởng đến việc tham gia đấu thầu tìm kiếm công việc mới.
 - + Năm 2020, Công ty mẹ không có hợp đồng ký mới. Các công ty con ký kết được 09 hợp đồng với các Chủ đầu tư/Tổng thầu với tổng giá trị các hợp đồng là 130,49 tỷ đồng. Trong đó PVC-MS ký kết 06 hợp đồng với giá trị 44,61 tỷ đồng, DOBC ký được 02 hợp đồng với tổng giá trị 71,91 tỷ đồng, PVC- Đông Đô ký được 01 hợp đồng với giá trị 13,97 tỷ đồng.
 - + Các đơn vị đã có nhiều nỗ lực tiếp thị, tham gia dự thầu tại một số công trình dự án để tạo nguồn công việc mới: PVC-MS, DOBC và PVC-Đông Đô đã ký kết được 09 hợp đồng mới với các Chủ đầu tư/Tổng thầu với tổng giá trị là 130,49 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ ký với các đơn vị ngoài ngành chiếm 69% tổng giá trị.

- Công tác quyết toán các dự án /công trình: Hoàn thành quyết toán với Chủ đầu tư và các nhà thầu tại dự án Thi công san lấp và xử lý nền- Dự án Đầu tư xây dựng Công trình Nhà máy Xử lý khí Cà Mau. Tại dự án Chung cư Phú Đạt, đã hoàn thành quyết toán với Chủ đầu tư.
- Về công tác thu hồi/xử lý công nợ:
 - + Trong năm 2020, PVC đã xử lý thu hồi công nợ được tổng số tiền 80,45 tỷ đồng đạt 28% kế hoạch đề ra. Số dư nợ chưa xử lý được theo kế hoạch chủ yếu là các khoản nợ tại các dự án/công trình chưa hoàn thành công tác quyết toán.
 - + Còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi đến hạn/ quá hạn giữa Tổng công ty và các đơn vị, đặc biệt là các khoản nợ chéo giữa các đơn vị tại các Dự án. Hầu hết các đơn vị thành viên của PVC hiện nay đều đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD và tài chính, tài sản của các đơn vị hoặc không có hoặc đã cầm cố/thế chấp do đó đơn vị không thể thu xếp được nguồn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho PVC.
- Đối với các khoản vay vốn ủy thác của Tập đoàn Năm 2020, PVC đã trả nợ gốc vay ủy thác được 74,352 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, số dư các khoản nợ vay ủy thác của Tổng công ty/các đơn vị phải trả PVN là: (i) Dư nợ gốc: 690,38 tỷ đồng trong đó PVC phải thu các đơn vị: 365 tỷ đồng bao gồm: KS Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 142,37 tỷ đồng; PVNC: 22,62 tỷ đồng; khoản PVC sử dụng 325,38 tỷ đồng. Lãi vay PVC còn phải trả PVN tính đến thời điểm 31/12/2020 là 136 tỷ đồng trong đó: Lãi trong hạn PVC chưa thanh toán: 92 tỷ đồng, tiền phạt chậm trả lãi, gốc: 44 tỷ đồng. PVC vẫn đang tiếp tục có văn bản gửi PVN đề nghị PVN trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận miễn giảm các khoản chi phí lãi vay ủy thác.
- Về các khoản bảo lãnh của PVC cho các đơn vị thành viên vay vốn (PVC-HN: 73 tỷ đồng; PVC-ME: 64 tỷ đồng; PVC-SG: 99 tỷ đồng). Các khoản bảo lãnh này đều đã quá hạn, PVC đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả đến thời điểm hiện tại là: 137,9 tỷ đồng. Trong năm 2020 không có phát sinh liên quan đến các đơn vị về khoản bảo lãnh, trích lập dự phòng.

Các đơn vị được PVC bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức tín dụng đều đang rất khó khăn về tài chính, kết quả kinh doanh thua lỗ, tiềm ẩn rủi ro không trả được nợ vay ngân hàng. PVC tiếp tục đề nghị NĐDPV của PVC tại các đơn vị tìm mọi giải pháp, thu xếp nguồn vốn để trả nợ ngân hàng theo các điều khoản đã ký kết với các tổ chức tín dụng hoặc làm việc với các tổ chức tín dụng để gia hạn các khoản vay. Bên cạnh đó, PVC tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của PVC.
- Đầu tư tài chính
 - + Đến thời điểm 31/12/2020, PVC có vốn góp tại 26 đơn vị với giá trị đầu tư 2.694,06 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 08 Công ty con là 1.752,41 tỷ đồng, các

đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 735,45 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (07 đơn vị) 206,20 tỷ đồng.

+ Năm 2020, PVC thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính 115,74 tỷ đồng, lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2020 là 1.671,68 tỷ đồng tương ứng 62% tổng giá trị đầu tư.

- Công tác lao động, tiền lương.
 - + Tổng số CBCNV đến thời điểm cuối năm 2020 của toàn Tổng công ty (bao gồm Công ty mẹ và 08 đơn vị chi phối) là 1.755 người, riêng lao động tại Công ty mẹ là 264 người.
 - + Thu nhập bình quân năm 2020 của lao động định biên toàn Tổng công ty là 10,07 triệu đồng/người/tháng, bằng 94% kế hoạch năm. Trong đó Công ty mẹ là: 12,5 triệu đồng/người/tháng, bằng 100% kế hoạch năm.
- Trong thời gian qua, việc thanh kiểm tra của các cơ quan chức năng, công tác điều tra của cơ quan an ninh/cơ quan bảo vệ pháp luật đồng loạt liên quan đến các dự án PVC triển khai thực hiện đã làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác quyết toán công trình, xử lý/thu hồi công nợ của Tổng công ty.

Một số chỉ tiêu kinh tế chính trong năm 2020 của Tổng công ty

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 1.839,44 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch năm 2020; Riêng Công ty mẹ thực hiện 246,69 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch năm 2020.
- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 1.626,97 tỷ đồng, đạt 113% kế hoạch năm 2020; Riêng Công ty mẹ thực hiện 261,31 tỷ đồng đạt 98% kế hoạch năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lỗ 170,13 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 152,28 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lỗ 167,49 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 152,28 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PVC tại thời điểm 31/12/2020 là 365,27 tỷ đồng, giảm 29% so với vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019. Lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2020 là 3.712,18 tỷ đồng.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2021, HĐQT xác định Tổng công ty tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, ngoài các yếu tố từ nguồn lực của PVC thì các yếu tố rủi ro tiềm ẩn nêu trên sẽ tiếp tục bộc lộ. HĐQT đã chỉ đạo Tổng giám đốc hết sức thận trọng khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các nội dung cụ thể như sau:

2.1 Các chỉ tiêu SXKD chính thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020			Kế hoạch năm 2021
		Kế hoạch điều chỉnh	Ước thực hiện	Tỷ lệ HTKH	
A	B	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)
1	Giá trị SXKD	1.560,00	1.839,44	118%	1.368,00

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020			Kế hoạch năm 2021
		Kế hoạch điều chỉnh	Ước thực hiện	Tỷ lệ HTKH	
A	B	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)
	Công ty mẹ	255,00	246,69	97%	457,00
2	Tổng doanh thu	1.442,00	1.626,97	113%	1.383,00
	Công ty mẹ	266,00	261,31	98%	677,00
3	Lợi nhuận trước thuế	-	(170,13)	-	-
	Công ty mẹ	-	(152,28)	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	-	(167,49)	-	-
	Công ty mẹ	-	(152,28)	-	-
5	Nộp NSNN	64,00	75,39	118%	80,00
	Công ty mẹ	10,00	7,72	77%	26,00
6	Thu nhập bình quân (tr.đ/ng/ tháng)	10,75	10,07	94%	9,35
	Công ty mẹ	12,50	12,50	100%	12,50

2.2 Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế năm 2021, HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chỉ đạo triển khai đồng bộ, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như sau:

- Xây dựng phương án tái cấu trúc lại toàn bộ PVC, sắp xếp lại mô hình tổ chức từ Công ty mẹ Tổng công ty đến các Đơn vị thành viên, Công ty con, Công ty liên kết đảm bảo tinh gọn, hiệu quả theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Hoàn thành thoái vốn góp của Công ty mẹ tại PVC-IC và thực hiện thoái vốn góp tại các đơn vị khác tại thời điểm phù hợp đảm bảo không làm ảnh hưởng xấu đến kết quả SXKD của Tổng công ty.
- Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung nâng cao năng lực thi công, khả năng cạnh tranh để trở thành một nhà thầu EPC chuyên nghiệp có đủ kinh nghiệm và năng lực, có khả năng đảm nhiệm xây lắp các dự án lớn trong và ngoài ngành; mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, dần hạn chế mức độ phụ thuộc vào các dự án trong ngành.
- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy điều hành từ Tổng công ty tới các Ban điều hành dự án, đồng thời tổ chức sắp xếp lại nhân sự dự án, lao động cho phù hợp, nhằm nâng cao năng suất lao động và tiết giảm chi phí quản lý đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2021.
- Đối với Dự án NMNĐ Thái Bình 2: Nâng cao trách nhiệm của Tổng thầu EPC trong việc thực hiện hợp đồng EPC, theo đó chủ động xử lý/ giải quyết công việc thuộc phạm vi hợp đồng EPC đã ký, chủ động bám sát cấp có thẩm quyền để xin hướng dẫn thực hiện các khó khăn vướng mắc còn tồn tại làm cơ sở đàm phán,

điều chỉnh hợp đồng EPC, điều chỉnh các mốc tiến độ bảo đảm đưa nhà máy vào vận hành trong năm 2021-2022; Đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh toán để quay vòng dòng tiền triển khai thi công dự án; Rà soát hiện trạng, đánh giá lại năng lực thi công, tài chính,... để có phương án triển khai các hạng mục công việc còn lại; Chủ động cân đối nguồn vốn, dự trù chi phí để sử dụng cho các công việc phát sinh trong giai đoạn chạy thử, nghiệm thu; Xây dựng phương án khi có rủi ro đối với các nhà cung cấp thiết bị nước ngoài.

- Đối với dự án NMNĐ Sông Hậu 1: Hoàn thành thi công, bàn giao và thanh quyết toán gói thầu/hạng mục thuộc Dự án; Phối hợp với chủ đầu tư, tổng thầu Lilama để thực hiện các yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước, thực hiện các khuyến cáo của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước, xử lý các ý kiến của Thanh tra Bộ Xây dựng.
- Hoàn thành công tác thi công các hạng mục công trình tại giai đoạn 2 và quyết toán toàn bộ Dự án Trung tâm phân tích thí nghiệm và văn phòng VPI tại Tp. Hồ Chí Minh.
- Chủ động làm việc và thực hiện các yêu cầu của các cấp có thẩm quyền để sớm thu hồi tối đa chi phí đã đầu tư tại Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 6161/VPCP-CN ngày 29/7/2020, phù hợp với quy định pháp luật.
- Đơn đốc PVC-IC cân đối nguồn tiền, xử lý dứt điểm việc thanh toán công nợ với Tập đoàn tại Dự án Văn phòng và phòng học, nhà công vụ cho giáo viên và ký túc xá sinh viên- Trường cao đẳng nghề Dầu khí.
- Chỉ đạo quyết liệt trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình, thu hồi nợ cá nhân bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, quản lý dòng tiền theo từng dự án/gói thầu/ hạng mục công việc, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng vốn từ Công ty mẹ tới các doanh nghiệp có vốn góp, đồng thời nâng cao năng lực hoạt động, tự chủ trong hoạt động SXKD, tránh lệ thuộc vào Công ty mẹ, đặc biệt về công ăn việc làm.
- Thường xuyên thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá và giám sát tình hình hoạt động, tài chính của các doanh nghiệp có vốn góp của PVC để có các giải pháp hỗ trợ và xử lý kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn của Công ty mẹ.
- Xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng, đặc biệt việc xử lý công nợ và vật tư tài sản tồn đọng.
- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng thương hiệu của các đơn vị thành viên theo đúng quy định của Tập đoàn.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, cân đối dòng tiền và quản trị rủi ro.
- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân sự, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công để có thể

triển khai các công trình/ dự án trọng điểm của Tập đoàn và của các chủ đầu tư giao, đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ của Tổng công ty.
- Cân đối dòng tiền, có kế hoạch hoàn trả vốn ủy thác mà Tập đoàn đã cho PVC và các công ty con vay theo đúng quy định và pháp luật hiện hành.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đến thời điểm 31/12/2020 có 05 thành viên, các Thành viên HĐQT qua các giai đoạn trong năm 2020: Ông Nguyễn Đình Thế (là Thành viên phụ trách HĐQT từ ngày 01/01/2020, đến ngày 24/6/2020 hết nhiệm kỳ thành viên HĐQT 2016-2020), Ông Lương Đình Thành (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 24/6/2020 là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc; từ ngày 24/6/2020 là Thành viên phụ trách HĐQT, Tổng giám đốc); Ông Nghiêm Quang Huy (Thành viên HĐQT); Ông Phạm Cương (là thành viên độc lập Hội đồng quản trị từ ngày 01/01/2020, đến ngày 10/6/2020 gửi đơn từ nhiệm); Ông Nguyễn Quốc Tuấn (là Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 01/01/2020 đến ngày 24/6/2020 hết nhiệm kỳ thành viên HĐQT 2016-2020); Ông Phạm Văn Khánh (Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 24/6/2020) và Ông Lê Văn Long (Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 24/6/2020, đến ngày 01/7/2020 gửi đơn từ nhiệm).

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, HĐQT họp 06 phiên họp thường kỳ và 121 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 58 Nghị quyết, 39 Quyết định và nhiều văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của Tổng công ty.

Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Đình Thế	Thành viên phụ trách HĐQT	Thôi thành viên HĐQT từ ngày 24/6/2020 do hết nhiệm kỳ	03/03	100%	
2	Ông Lương Đình Thành	Thành viên phụ trách HĐQT, TGD		06/06	100%	
3	Ông Nghiêm Quang Huy	Thành viên HĐQT		06/06	100%	
3	Ông Phạm Cương	Thành viên độc lập HĐQT	Gửi đơn từ nhiệm ngày 10/6/2020	02/02	100%	
4	Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	Thôi thành viên HĐQT từ ngày 24/6/2020 do hết nhiệm kỳ	03/03	100%	
6	Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	Bắt đầu là Thành viên HĐQT từ ngày 24/6/2020	03/03	100%	

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
7	Ông Lê Văn Long	Thành viên độc lập HĐQT	Bắt đầu là Thành viên HĐQT từ ngày 24/6/2020 Gửi đơn từ nhiệm ngày 01/7/2020	01/01	100%	

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, trong năm 2020, HĐQT đã cử các thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp cùng Ban Tổng giám đốc để giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình triển khai thực hiện công việc tại dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2.

Các Thành viên HĐQT đã thực hiện vai trò và nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC cũng như giám sát nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua việc:

- Tham gia tất cả các hoạt động của HĐQT;
- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp khác;
- Có ý kiến tại các phiếu lấy ý kiến để HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản của HĐQT;
- Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC và trực tiếp phụ trách một số đơn vị thành viên của PVC theo phân công nhiệm vụ trong HĐQT PVC.

3. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các Thành viên trong Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị theo dõi và giám sát Ban Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị đã đề ra.
- Hội đồng quản trị tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban Tổng giám đốc.
- Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành kinh doanh, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Tổng giám đốc gửi Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban Kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý của Tổng công ty.

4. Công tác quản trị, tổ chức, lao động, đào tạo

- Đã triển khai thực hiện thủ tục kiện toàn, thay đổi, giới thiệu công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị: PVC-ID, PVC-Thái

Bình, DOBC, PVC-Đông Đô, PVC-Duyên Hải, PVC-MT, PVC-MS, PVC-IC, PVC-HN, PVC-TH, KS Lam Kinh.

- Công tác ký kết hợp đồng lao động và giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động được thực hiện theo đúng quy định của PVC và Pháp luật hiện hành.
- Trong năm 2020, PVC đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương Cơ quan Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-XLKD ngày 10/3/2020 và điều chỉnh mức tiền lương tại Quy chế trả lương của Tổng công ty theo Quyết định số 2227/QĐ-XLKD ngày 25/11/2020 để đảm bảo việc trả lương tại cơ quan Tổng công ty gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty mẹ Tổng công ty..

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2020, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua và kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát PVC đã được Tập đoàn phê duyệt. Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã tập trung triển khai công tác giám sát thường xuyên tại cơ quan Tổng công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Tổng công ty, Ban Kiểm soát đã thực hiện:

- Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, các quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (TGD) PVC thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định điều hành hoạt động SXKD của Ban Tổng giám đốc.
- Tham gia các cuộc họp rà soát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý của Tổng công ty...
- Thực hiện thẩm tra nội dung đại hội cổ đông thường niên 2020 của 09 công ty con và các công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính.
- Tham gia họp Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2020 trên cơ sở báo cáo tài chính kế toán của Tổng công ty và Biên bản kiểm toán Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Nghị quyết số 216/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua tờ trình số: 210/TTr-XLKD về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thông qua báo cáo số: 207/ BC-XLKD về hoạt động HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020; thông qua báo cáo số: 1272/ BC-XLKD về kết quả sản xuất kinh doanh của PVC năm 2019 và Kế hoạch SXKD năm 2020; thông qua báo cáo số: 1273/ BC-XLKD hoạt động Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020; thông qua tờ trình số: 209/TTr-XLKD về việc quyết quyết toán thù lao năm 2019 và phương án thù lao năm 2020 của HĐQT, Ban Kiểm soát PVC; Thông qua tờ trình số 1274/TTr-XLKD của BKS về lựa chọn công ty Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2020

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng công ty PVC đã bầu các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025: ông Lương Đình Thành, ông Nghiêm Quang Huy thành viên HĐQT chuyên trách, các Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: ông Lê Văn Long và ông Phạm Văn Khánh ; các Thành viên Ban Kiểm soát làm công tác chuyên trách: ông Vũ Trọng Quốc Thịnh và ông Hứa Xuân Nam
- Hàng quý Ban Kiểm soát Ban hành các công văn số 1886/XLDK-BKS; 2372/XLDK-BKS gửi HĐQT, Ban TGD đề nghị cung cấp kết quả SXKD tại Tổng công ty, các ban điều hành để kiểm tra, giám sát đồng thời làm cơ sở lập báo cáo hàng quý/năm gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- Ban Kiểm soát ban hành công văn số 1815/XLDK-BKS ngày 9/9/2020, đề nghị Tổng công ty PVC và các đơn vị báo cáo ước thực hiện tình hình SXKD 9 tháng đầu năm 2020 và việc xử lý các vấn đề tồn tại về tài chính đã nêu trong báo cáo kiểm toán tại Tổng công ty và các đơn vị
- Ngày 22/9/2020 Ban Kiểm soát đã ban hành công văn số 1875/XLDK-BKS gửi Tổng công ty PVC về việc sử dụng tiền thoái vốn Long sơn PIC Ngày 5/1/2021 và Ban kiểm soát gửi Tập đoàn cáo số 09/XLDK-BKS về Kết quả kiểm tra, giám sát quý 4 năm 2020 tại Tổng công ty PVC
- Ngoài công tác kiểm tra giám sát thường xuyên tại Tổng công ty Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại Ban Điều hành dự án NMNĐ Thái Bình 2, Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc và đã thông báo kết quả kiểm tra giám sát gửi cho HĐQT, Tổng Giám đốc PVC bằng văn bản số 2320/XLDK-BKS ngày 21/12/2020.
- Đối với các đơn vị thành viên của PVC, Ban Kiểm soát xem xét các báo cáo của đơn vị và người đại diện phần vốn để kịp thời đưa ra các kiến nghị đề xuất đối với HĐQT, Tổng giám đốc PVC bằng các văn bản số 2254/XLDK-BKS; 2460/XLDK-BKS về công tác quản lý kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD tại đơn vị theo đúng các qui định của Pháp luật.
- Thực hiện ý kiến của Tập đoàn DKVN tại công văn số 4954/DKVN-KSNB về việc báo cáo kết quả thực hiện năm 2020 và xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2021. Ban Kiểm soát PVC đã lập kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2021 để báo cáo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại công văn số 2075/XLDK-BKS. Tập đoàn Dầu khí đã thông qua kế hoạch hoạt động năm 2021 của Người đại diện PVN làm công tác kiểm soát tại các doanh nghiệp khác tại Quyết định số 6228/QĐ-DKVN ngày 21/12/2020.
- Ban Kiểm soát tham gia cuộc họp do Tập đoàn Dầu khí tổ chức buổi làm việc tại Tổng công ty PVC và Tập đoàn đã ban hành biên bản làm việc số 6215/BB-DKVN để chỉ đạo người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại PVC thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 6049/CT-DKVN, Biên bản kiểm tra PVC số 5852/BB-DKVN và một số kiến nghị khác trong biên bản

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyền hạn và chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

1. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị PVC đã tổ chức thành công Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và trên cơ sở Nghị quyết số 216/NQ- ĐHĐCĐ-XLTK, HĐQT PVC đã ban hành một số các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng, công tác tái cấu trúc, theo điều lệ của PVC, qui định của Pháp luật
- Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn tại công văn số 3381/QĐ-DKVN người đại diện phần vốn của PVN tại PVC đã nghiêm túc gửi Tập đoàn báo cáo số 278/XLTK-HĐQT về việc giám sát tài chính đặc biệt 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo số 2154/BC-XLTK về tình hình thực hiện tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2.
- Trên cơ sở kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế trong hoạt động SXKD của PVC năm 2020, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 6180/NQ-DKVN về việc phê duyệt điều chỉnh các chỉ tiêu kinh tế Kế hoạch năm 2020 của PVC và các đơn vị thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, HĐQT PVC đã ban hành Nghị quyết số 372/NQ-HĐQT ngày 29/12/2020 về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của PVC đã được HĐQT ban hành PVC Nghị quyết số 467/NQ-XLTK ngày 31/12/2019 về việc triển khai kế hoạch SXKD năm 2020 của PVC. Trên cơ sở đó, Tổng giám đốc PVC đã ban hành các Quyết định giao nhiệm vụ Kế hoạch SXKD năm 2020 cho các Ban ĐHĐA/Chi nhánh/Đơn vị chi phối của Tổng công ty.
- HĐQT Tổng công ty PVC báo cáo Tập đoàn về việc xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2021 tại công văn số 329/XLTK-HĐQT; công văn số 340/XLTK-HĐQT và đã đánh giá về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 không hoàn thành như kế hoạch đề ra.
- Để tuân thủ theo luật DN và Điều lệ PVC trong công tác điều hành và giám sát thường xuyên của HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025. Tổng công ty PVC đã gửi báo cáo Tập đoàn số 342/XLTK-HĐQT ngày 12/11/2020 về việc báo cáo về công tác tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 của PVC và gửi báo cáo số 338/XLTK-HĐQT ngày 11/11/2020 lên UBCK NN về việc khó khăn vướng mắc trong công tác tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 của PVC.
- Hội đồng quản trị PVC đã duy trì hình thức thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty
- HĐQT của PVC đã ban hành các chỉ thị, nghị quyết chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành; các Ban chức năng tại công ty mẹ và người đại diện phần vốn tại các công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh theo hướng phát huy tối đa nguồn lực của PVC

đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và đã ban hành một số văn bản, nghị quyết

- HĐQT đã thực hiện vai trò chỉ đạo, giám sát điều hành của Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành SXKD nhằm tháo gỡ các khó khăn, tồn tại, hạn chế, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, duy trì bộ máy điều hành hoạt động SXKD ổn định, tổ chức họp thường kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty. HĐQT gửi UBCK NN về việc khó khăn vướng mắc trong tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2020 của PVC (báo cáo số 338/XLDK-HĐQT ngày 11/11/2020; báo cáo số 342/XLDK-HĐQT ngày 12/11/2020 của Người đại diện phần vốn của PVN tại PVC gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc báo cáo về tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2020 của PVC (lần 2).

2. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng giám đốc đã triển khai, thực hiện và các nghị quyết, Quyết định của HĐQT, đã ban hành các Quyết định kịp thời trong công tác trong tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Tập đoàn về báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng chính phủ giao Tổng công ty PVC báo cáo Tập toàn về tình hình thực trạng hoạt động SXKD của PVC tại báo cáo số 354/XLDK-KHĐT&TCC ngày 20/2/2020 và ban hành một số quyết định trong công tác điều hành thường xuyên như; Quyết định số 1470/QĐ-XLDK ngày 16/7/2020 về việc Phê duyệt nội dung Phụ lục bổ xung số 11 Hợp đồng số 52/2014/HĐKT/PVC-PVCTB-PVCSD-CCU về việc thiết kế, lập dự toán cung cấp lắp đặt kết cấu thép và thi công phần xây dựng 03 kho than kín của dự án NMNĐ Thái Bình2; Quyết định số 1548/QĐ-XLDK về việc phê duyệt khoản CPQL năm 2020 của Ban điều hành dự án NMNĐ Thái Bình2; Quyết định số 1547/QĐ-XLDK về việc Thông qua kết quả kiểm tra, quyết toán chi phí năm 2019 tại Ban điều hành dự án NMNĐ Thái Bình 2; Quyết định số 528/QĐ-XLDK về công tác kiểm tra, kiểm toán chi phí quản lý năm 2019 tại các Ban điều hành dự án thuộc Tổng công ty PVC. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Tập đoàn về công tác xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021 Tổng công ty PVC đã rà soát lập báo cáo gửi Tập đoàn công văn số 329/XLDK-HĐQT; công văn số 340/XLDK-HĐQT ngày 12/11/2020 của Người đại diện phần vốn của PVN tại PVC. Trong năm 2020 Tổng công ty đã miễn nhiệm và bổ nhiệm các chức danh Phó Tổng giám đốc và Kế toán Trưởng Tổng công ty, các chức danh quản lý tại Ban Điều hành các dự án, Chi nhánh phía Bắc và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

Trên cơ sở chỉ đạo của Tập đoàn, Tổng công ty PVC xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2021 để trình Tập đoàn phê duyệt (công văn số 329/XLDK-HĐQT) Công văn số 347/XLDK-HĐQT ngày 23/11/2020 của Người đại diện phần vốn của PVN tại PVC về việc điều chỉnh mức tiền lương cơ bản tối thiểu và mức tiền lương hiệu quả tối thiểu tại Quy chế trả lương của Tổng công ty.

Ngoài ra Tổng công ty PVC còn ban hành các Nghị quyết, Quyết định về công tác thoái vốn, tái cơ cấu và xử lý nợ, công tác cán bộ tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên PVC.

Ban Tổng giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí phó Tổng giám đốc phụ trách theo từng lĩnh vực, tổ chức họp giao ban, rà soát đánh giá kết quả từng dự án từng hạng mục thi công trên công trường để kịp chỉ đạo/phối hợp với chủ đầu tư, các công ty chi phối các nhà thầu phụ để đưa ra các giải pháp xử lý và báo cáo Tập đoàn, đề nghị ký kết và thực hiện Phụ lục bổ sung Hợp đồng EPC với Chủ đầu tư của hạng mục công việc hệ thống đường ống nội bộ (phần ngoài phạm vi cung cấp của liên danh nhà thầu Sojitz-Dealim) đảm bảo tiến độ, chất lượng của dự án, Tổng công ty còn đàm phán ký kết với các nhà thầu phụ trong nước để điều chỉnh hợp đồng cho phù hợp với các phụ lục đã điều chỉnh ký giữa PVC và Chủ đầu tư, để điều chỉnh một số nội dung thanh toán của tỷ lệ giữ lại, tỷ lệ thu hồi tạm ứng, các mốc thanh toán theo tình hình thực tế thi công tại dự án.

- Căn cứ vào tình hình thực tế tại công mẹ và các công ty thành viên Ban Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng Quản trị về công tác tái cơ cấu, sắp xếp nhân sự tại một số đơn vị như PVC-MS; PVC-IC; DOBC, Chi nhánh phía Bắc... nhằm tiết giảm chi phí quản lý điều hành tại công mẹ và các đơn vị thành viên
- Ban Tổng giám đốc thành lập các đoàn kiểm tra giám sát thường xuyên tại các công trình/dự án và các đơn vị thành viên, đặc biệt đối với dự án trọng điểm quốc gia tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
- Ban Tổng giám đốc chỉ đạo các Ban chuyên môn phối hợp với các Ban Tập đoàn để làm việc với các cấp Sở/ Ban/Ngành của UBND tỉnh Tiền Giang để báo cáo các Bộ/Ngành đề xuất Chính Phủ cho cấp nguồn vốn chuyển trả vốn đầu tư mà Tập đoàn Dầu khí và Tổng PVC đã đầu tư vào Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp-Tiền Giang.
- Thành lập Hội đồng kiểm kê và xử lý tài sản sau kiểm kê để thực hiện kiểm tra đánh giá tài sản Công ty mẹ giữa niên độ kế toán và cuối năm tài chính năm 2020.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC *leu*



Lương Đình Thành

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tháng 03 năm 2021

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,

Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	12 - 52

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,

Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lương Đình Thành	Ủy viên - Phụ trách Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Đình Thế	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020)
Ông Nghiêm Quang Huy	Ủy viên
Ông Phạm Văn Khánh	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020)
Ông Lê Văn Long	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020; Từ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020)
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020)
Ông Nguyễn Đức Đạt	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020)
Ông Phạm Cường	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lương Đình Thành	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Chí Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 8 năm 2020)
Ông Nguyễn Đức Đạt	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lương Đình Thành - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Ông Lương Đình Thành - Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, đã ủy quyền cho Ông Chu Thanh Hải - Phó Tổng Giám đốc phê duyệt và ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo giấy Ủy quyền số 449/UQ-XLKD ngày 30 tháng 3 năm 2021.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Chu Thanh Hải
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787

Website: www.vaco.com.vn

Số: 221 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.712,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 3.559,9 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 727 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 731,4 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay khoảng 690,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 764,7 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là khoảng 124,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 124,4 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Văn Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh
Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng tại Tp. Đồng Nai
Số 79 Đ. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng tại Tp. Hải Phòng
Tầng 4, số 19, Đ. Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ
Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

3. Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 có giá gốc lần lượt là khoảng 240,5 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 240,5 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các dự án đã tạm dừng thi công từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là 5.719.085.908 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 5.719.085.908 VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có (1) khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 367,5 tỷ VND và 107,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam: khoảng 571,3 tỷ VND và 271,7 tỷ VND); (2) khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải và Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 61,5 tỷ VND và 28,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 80,9 tỷ VND và 27,3 tỷ VND); và (3) một số khoản góp vốn vào các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 44,3 tỷ VND và 12,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 44,3 tỷ VND và 12,8 tỷ VND). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính riêng kèm theo.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

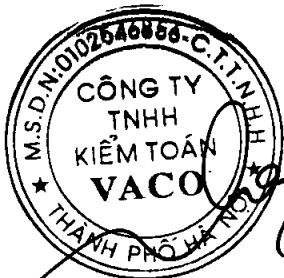
Việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Các vấn đề khác

Thông tin so sánh cho các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng là thông tin trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 1030/VN1A-HN-BC đề ngày 31 tháng 03 năm 2020. Báo cáo phát hành với Ý kiến kiểm toán là từ chối, do:

- Kiểm toán viên không xác định được liệu Báo cáo tài chính được lập với giá định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.
- Kiểm toán viên không xác được giá trị thuần có thể thực hiện được cho: (1) Số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1; (2) Khoản phải thu khó đòi với Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh; (3) Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang; (4) Sự suy giảm giá trị của một số khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản góp vốn vào đơn vị khác.
- Kiểm toán viên không đánh giá được cơ sở cho việc hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thuế bảo lãnh của Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG).

Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, như mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến" trên đây.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.791.777.541.801	4.015.339.174.591
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	129.379.797.745	137.755.310.180
1. Tiền	111		77.079.797.745	85.455.310.180
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.300.000.000	52.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	715.000.000	119.252.425.350
1. Chứng khoán kinh doanh	121		14.600.000.000	150.668.065.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(13.885.000.000)	(45.785.705.650)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	14.370.066.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.890.509.855.707	2.077.646.191.345
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.616.956.861.780	1.619.402.499.829
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	606.878.143.116	668.088.263.240
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	375.924.956.451	449.978.436.077
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	274.204.630.001	321.763.227.131
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(984.179.723.667)	(982.311.222.958)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		724.988.026	724.988.026
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.683.712.148.211	1.588.956.425.699
1. Hàng tồn kho	141		1.705.616.584.939	1.610.860.862.427
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.904.436.728)	(21.904.436.728)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		87.460.740.138	91.728.822.017
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	219.639.521	153.189.394
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		65.908.235.150	70.299.037.915
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	23	21.332.865.467	21.276.594.708

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.219.817.680.819	1.377.926.428.553
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.102.824.398	4.655.963.143
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	10.102.824.398	4.655.963.143
II. Tài sản cố định	220		8.979.943.707	11.775.918.231
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	8.780.023.707	9.726.153.553
- Nguyên giá	222		82.446.480.974	67.089.810.046
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.666.457.267)	(57.363.656.493)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	-	1.779.284.678
- Nguyên giá	225		-	14.253.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(12.474.465.322)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	199.920.000	270.480.000
- Nguyên giá	228		5.005.180.340	5.005.180.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.805.260.340)	(4.734.700.340)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	16	168.299.024.436	169.596.706.255
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		24.471.433.315	24.471.433.315
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		143.827.591.121	145.125.272.940
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.021.660.561.457	1.177.732.691.818
1. Đầu tư vào công ty con	251	17	1.752.412.574.396	1.956.206.514.396
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	735.449.467.055	754.799.467.055
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	191.595.000.000	208.359.968.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	20	(1.657.796.479.994)	(1.741.633.257.832)
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.775.326.821	14.165.149.106
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.775.326.821	14.165.149.106
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.011.595.222.620	5.393.265.603.144

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh		Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.646.320.430.494	4.875.711.503.895
I. Nợ ngắn hạn	310		4.518.802.921.422	4.746.746.153.271
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	2.758.769.254.840	2.843.160.156.928
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	140.270.770.149	216.663.829.083
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	1.629.162.203	2.723.952.613
4. Phải trả người lao động	314		24.258.699.417	21.261.113.595
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	361.463.387.688	319.025.766.498
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.447.841.545	1.905.976.188
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	25	367.176.404.628	368.640.115.430
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26	871.068.612.025	980.646.454.009
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
II. Nợ dài hạn	330		127.517.509.072	128.965.350.624
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	24	71.064.369.884	71.064.369.884
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		56.423.618.253	57.871.459.805
3. Phải trả dài hạn khác	337	25	29.520.935	29.520.935
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		365.274.792.126	517.554.099.249
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	365.274.792.126	517.554.099.249
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.986.992.734	76.986.992.734
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
5. Lợi nhuận, lỗ sau thuế chưa phân phối	421		(3.712.182.490.608)	(3.559.903.183.485)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.559.903.183.485)	(3.377.266.252.151)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(152.279.307.123)	(182.636.931.334)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.011.595.222.620	5.393.265.603.144

(Handwritten signature)

Vũ Thị Châm
 Người lập biểu

Nguyễn Đức Tuấn
 Kế toán trưởng



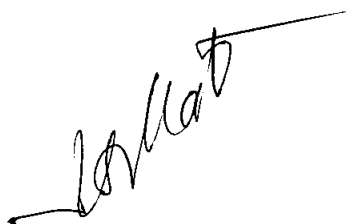
(Handwritten signature)
 Chu Thanh Hải
 Phó Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

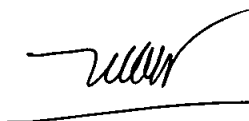
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		247.954.826.066	1.069.954.211.517
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	247.954.826.066	1.069.954.211.517
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	243.042.634.878	1.059.681.627.167
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.912.191.188	10.272.584.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	6.049.076.080	6.140.730.178
7. Chi phí tài chính	22	32	101.613.374.386	137.189.960.979
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.247.469.325	16.163.705.037
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	67.827.145.853	68.550.123.965
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(158.479.252.971)	(189.326.770.416)
10. Thu nhập khác	31		7.308.330.252	11.524.713.666
11. Chi phí khác	32		1.108.384.404	6.000.328.208
12. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		6.199.945.848	5.524.385.458
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(152.279.307.123)	(183.802.384.958)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	-	(1.165.453.624)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(152.279.307.123)	(182.636.931.334)




Vũ Thị Châm
 Người lập biểu



Nguyễn Đức Tuấn
 Kế toán trưởng




Chu Thanh Hải
 Phó Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

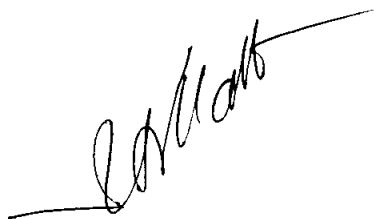
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(152.279.307.123)	(183.802.384.958)
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.355.056.343	5.983.268.532
- Các khoản dự phòng	03	(113.868.982.779)	113.470.999.426
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	404.484.180	69.174.388
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	180.740.274.774	(6.587.605.891)
- Chi phí lãi vay	06	20.247.469.325	16.163.705.037
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(60.401.005.280)	(54.702.843.466)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	72.719.587.340	(237.613.771.967)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(94.755.722.512)	(1.707.307.534)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(116.951.426.553)	(49.227.733.489)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.323.372.158	13.865.416.708
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	136.068.065.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(14.472.081.925)	(10.499.732.109)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	7.282.500.275	3.173.798.708
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.594.142.696)	(3.116.488.819)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(84.780.854.193)	(339.828.661.968)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(261.400.000)	(8.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.021.075.000	1.071.250.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	(17.030.795.626)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	108.423.479.626	54.050.362.945
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	53.149.610.000	35.930.415.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.997.948.425	8.604.608.893
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	145.330.713.051	82.617.841.212

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	36.515.336.117	362.735.177.011
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(105.393.178.101)	(293.028.887.079)
3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	(568.796.793)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(68.877.841.984)	69.137.493.139
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</i>	50	(8.327.983.126)	(188.073.327.617)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	137.755.310.180	326.057.489.783
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(47.529.309)	(228.851.986)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	129.379.797.745	137.755.310.180



Vũ Thị Châm
Người lập biểu




Nguyễn Đức Tuấn
Kế toán trưởng



Châu Thành Hải
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 06 tháng 11 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 265 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 303).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2;
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch;
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam;
- Ban điều hành dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester;
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ; và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 08 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 11 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 18.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bởi một Công ty kiểm toán khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.712,1 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 3.559,9 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 727 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 731,4 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay là khoảng 690,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 764,7 tỷ VND). Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch để đảm bảo khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tổng Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phần phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuê tài sản (Tiếp theo)

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải Số năm
6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính là phần mềm phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Trong trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	3.534.861.310	358.423.116
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	73.544.936.435	85.096.887.064
Các khoản tương đương tiền (ii)	52.300.000.000	52.300.000.000
Cộng	<u>129.379.797.745</u>	<u>137.755.310.180</u>

Ghi chú:

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm số tiền khoảng 30,72 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 23 tỷ VND) gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương - "OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 52,3 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 52,3 tỷ VND) gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Chứng khoán kinh doanh	14.600.000.000	13.885.000.000	150.668.065.000	45.785.705.650
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	-	-	136.068.065.000	31.900.705.650
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	14.370.066.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	14.370.066.000	-

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.196.564.919.848	1.116.202.950.949
Viện Dầu khí Việt Nam	104.372.368.453	104.372.368.452
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	92.830.694.349	91.998.195.450
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	77.169.629.038	83.824.809.185
Các khoản phải thu khách hàng khác	146.019.250.092	223.004.175.793
Cộng	1.616.956.861.780	1.619.402.499.829
<i>Trong đó, Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	<i>1.572.935.742.472</i>	<i>1.505.925.194.869</i>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	113.386.879.741	113.386.879.741
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.916.776	108.864.918.776
Các đối tượng khác	384.626.346.599	445.836.464.723
Cộng	606.878.143.116	668.088.263.240
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	262.893.199.913	253.187.718.650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	142.303.647.827	142.303.647.827	142.303.647.827	142.303.647.827
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	-	-	71.392.750.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	22.623.638.889	11.162.506.280	22.623.638.889	11.162.506.280
Cộng	364.927.286.716	277.822.304.110	436.320.036.716	277.822.304.110
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	-	2.660.729.626	-
Cộng	375.924.956.451	288.819.973.845	449.978.436.077	288.819.973.845
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	364.927.286.716	277.822.304.110	367.588.016.342	277.822.304.110

Ghi chú:

- (i) Số dư phải thu về cho vay các công ty này thể hiện: a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với Oceanbank để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (“Khách sạn Lam Kinh”) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

Theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên sau khi được gia hạn là ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank nêu trên, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn	274.204.630.001	321.763.227.131
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	96.538.822.287	91.559.342.551
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	-	46.233.778.156
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	42.373.709.249	42.543.792.920
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	14.258.774.070	14.258.775.000
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.651.041.612	-
- Tạm ứng	8.888.883.296	7.479.383.447
- Phải thu ngắn hạn khác	110.493.399.487	119.688.155.057
b) Dài hạn	10.102.824.398	4.655.963.143
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	10.102.824.398	4.655.963.143
Cộng	177.665.807.714	230.203.884.580
Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	143.962.042.183	150.382.717.842

Ghi chú:

- (i) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ đến hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ và đã được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm và Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm. Theo Bản án phúc thẩm số 216/2020/KDTM-PT ngày 3 tháng 12 năm 2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, Tổng Công ty đã ghi giảm khoản phải thu này để bù trừ với số dư vay và lãi dự trả tại SHB - Chi nhánh Thăng Long.
- (ii) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 37).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,

Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. NỢ XẤU**

Thông tin về một số khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	208.969.964.705	-	208.969.964.705	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	142.303.647.827	-	142.303.647.827	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.698.008.059	-	75.739.518.828	69.184.615
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	72.442.896.574	9.528.687.729	72.442.896.574	14.296.418.844
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	58.705.694.299	-	61.710.508.005	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	43.977.863.728	6.714.619.313	43.977.863.728	6.714.619.313
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 39	34.768.882.465	-	34.084.106.414	22.500.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	30.495.449.099	100.965.000	30.495.449.099	100.965.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	-	23.575.990.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	18.265.262.039	-	18.265.262.039	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.446.793.928	-	9.446.793.928	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	6.907.785.000	-	6.907.785.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.765.783.163	-	5.221.876.372	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí	3.719.897.842	-	3.719.897.842	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	4.817.458.278	-	4.817.458.278	352.500.000

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi được bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị đã dự phòng của các khoản phải thu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.825.344.133	-	1.825.344.133	-
Công cụ, dụng cụ	431.700.000	-	431.700.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	1.669.058.554.078	-	1.574.302.831.566	-
Hàng hoá	34.300.986.728	(21.904.436.728)	34.300.986.728	(21.904.436.728)
Cộng	1.705.616.584.939	(21.904.436.728)	1.610.860.862.427	(21.904.436.728)

Ghi chú:

- (i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi tiết sản xuất dở dang theo các công trình như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.387.853.025.209	1.283.371.503.901
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	240.479.467.868	240.479.467.868
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	1.601.547.354	24.685.164.934
Các công trình khác	39.124.513.647	25.766.694.863
Cộng	1.669.058.554.078	1.574.302.831.566

- (*) Như trình bày tại Thuyết minh số 38, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	219.639.521	153.189.394
Chi phí công cụ, dụng cụ	42.067.677	23.189.394
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	177.571.844	130.000.000
b) Dài hạn	10.775.326.821	14.165.149.106
Chi phí trả trước thuê văn phòng (i)	10.692.472.345	13.861.326.990
Chi phí trả trước dài hạn khác	82.854.476	303.822.116

Ghi chú:

- (i) Phản ánh chi phí trả trước về thuê văn phòng chờ phân bổ theo các Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà San Nam số 001/2009/SN-PVC ngày 08 tháng 01 năm 2009 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH San Nam, Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà CEO số 2410/2020/CEO Tower/CEO-PVC ngày 17 tháng 01 năm 2020 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	18.126.344.713	6.557.060.709	29.816.458.873	12.589.945.751	67.089.810.046
Tăng trong năm	-	10.000.000	1.287.681.819	261.400.000	1.559.081.819
Mua lại TSCĐ Thuê tài chính	-	-	14.253.750.000	-	14.253.750.000
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	(456.160.891)	(456.160.891)
Số dư cuối năm	18.126.344.713	6.567.060.709	45.357.890.692	12.395.184.860	82.446.480.974
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	11.593.412.915	6.270.701.525	27.201.605.727	12.297.936.326	57.363.656.493
Khấu hao trong năm	1.068.267.588	123.018.028	1.187.245.494	126.680.555	2.505.211.665
Mua lại TSCĐ Thuê tài chính	-	-	14.253.750.000	-	14.253.750.000
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	(456.160.891)	(456.160.891)
Số dư cuối năm	12.661.680.503	6.393.719.553	42.642.601.221	11.968.455.990	73.666.457.267
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	6.532.931.798	286.359.184	2.614.853.146	292.009.425	9.726.153.553
Số dư cuối năm	5.464.664.210	173.341.156	2.715.289.471	426.728.870	8.780.023.707

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 45.265.922.507 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 39.156.716.078 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	14.253.750.000	14.253.750.000
Mua lại TSCĐ Thuê tài chính	(14.253.750.000)	(14.253.750.000)
Số dư cuối năm	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư đầu năm	12.474.465.322	12.474.465.322
Khấu hao trong năm	1.779.284.678	1.779.284.678
Mua lại TSCĐ Thuê tài chính	(14.253.750.000)	(14.253.750.000)
Số dư cuối năm	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	1.779.284.678	1.779.284.678
Số dư cuối năm	-	-

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	5.005.180.340	5.005.180.340
Số dư cuối năm	5.005.180.340	5.005.180.340
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư đầu năm	4.734.700.340	4.734.700.340
Khấu hao trong năm	70.560.000	70.560.000
Số dư cuối năm	4.805.260.340	4.805.260.340
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	270.480.000	270.480.000
Số dư cuối năm	199.920.000	199.920.000

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 4.652.380.340 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 4.652.380.340 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được
	VND	VND	VND	VND
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
Dự án Nhà máy Xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
Các công trình khác	7.329.825.521	1.618.216.162	7.329.825.521	1.618.216.162
Cộng	71.051.054.915	24.471.433.315	71.051.054.915	24.471.433.315

Ghi chú:

- (i) Theo Công văn số 1828/TTg-KTN ngày 15 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	10.135.424.390	11.433.106.209
- Xây dựng cơ bản	133.692.166.731	133.692.166.731
Trong đó:		
<i>Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)</i>	127.973.080.823	127.973.080.823
<i>Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)</i>	3.883.984.985	3.883.984.985
<i>Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang (iii)</i>	1.835.100.923	1.835.100.923
Cộng	143.827.591.121	145.125.272.940

- (ii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCDN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Theo Biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, PVN và Tổng Công ty, các bên thống nhất giá trị Dự án trong giai đoạn do Tổng Công ty thực hiện là khoảng 143 tỷ VND. Ngày 01 tháng 10 năm 2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cũng như bàn giao toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất trên lô đất của Dự án cho cơ quan này. Ngày 28 tháng 02 năm 2019, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định pháp luật, không để thất thoát tài sản Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 7643/BKHĐT-QLKKT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung liên quan đến dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 6161/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng giao các Bộ phối hợp hướng dẫn hoàn trả kinh phí đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 8 tháng 02 năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 743/BKHĐT-QLKKT gửi các Bộ xin ý kiến về dự thảo phương án giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án.

- (iii) Phản ánh các dự án đã tạm dừng thi công từ nhiều năm trước. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp (VND)		Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
			Số cuối năm	Số đầu năm				Năm nay	Năm trước
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	367.502.605.998	367.502.605.998	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	325.000.000.000	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	286.227.385.833	286.227.385.833	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh	-	203.793.940.000	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	170.000.000.000	170.000.000.000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
6	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (i)	Hà Nội	195.150.582.565	195.150.582.565	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
7	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	153.532.000.000	153.532.000.000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi
9	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	102.000.000.000	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi
			1.752.412.574.396	1.956.206.514.396					

Ghi chú:

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, các công ty nói trên được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (ii) Tại ngày 22 tháng 01 năm 2020, Tổng Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn nắm giữ tại Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo kế hoạch Tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Nghị Quyết số 6977/NQ-XLTK ngày 01/11/2017 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc thoái vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Hợp đồng mua bán cổ phần số 01/2020/PVC ngày 15 tháng 01 năm 2020 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư Nhan Gia, giá chuyển nhượng là 894 VND/cổ phần, Tổng Công ty ghi nhận một khoản lỗ từ việc thanh lý Công ty con với số tiền là 186,7 tỷ VND.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 36.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp (VND)		Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
			Số cuối năm	Số đầu năm				Năm nay	Năm trước
1	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.271.467.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (ii)	Hải Phòng	58.050.000.000	77.400.000.000	42%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu,	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Đà Nẵng	72.400.000.000	72.400.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
7	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	57.000.000.000	57.000.000.000	30%	30%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
8	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	54.395.000.000	54.395.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
9	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	19.993.000.000	19.993.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
10	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
11	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
			735.449.467.055	754.799.467.055					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

(ii) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 12 tháng 6 năm 2019 và Quyết định số 16/2020/QĐ-PVC/DH-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Công ty Cổ phần Dầu tu Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải) đã giảm vốn điều lệ từ 182,31 tỷ VND xuống còn 136,73 tỷ VND, nguồn tiền để chi trả cho các cổ đông từ nguồn thu về sau khi chuyển nhượng thành công quyền sử dụng đất của Thửa đất số 04A/B1 lô 26BC.KD/TM ngã Năm sân bay Cát Bi - Phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Vốn điều lệ giảm được PVC Duyên Hải hoàn trả cho Tổng Công ty bằng tiền gửi ngân hàng, tỷ lệ sở hữu phần của Tổng Công ty trong PVC Duyên Hải không thay đổi.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 36.

19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Tên các công ty nhận góp vốn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu %	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu %
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Long	147.300.000.000	7,58%	147.300.000.000	7,58%
2	Công ty Cổ phần Dầu tu và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (i)	-	0%	16.764.968.199	15%
4	Công ty Cổ phần Dầu tu Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	2,5%	12.500.000.000	2,5%
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	3.000.000.000	4%	3.000.000.000	4%
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	2.795.000.000	5%	2.795.000.000	5%
7	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	2.500.000.000	10%	2.500.000.000	10%
		<u>191.595.000.000</u>		<u>208.359.968.199</u>	

Ghi chú:

(i) Tại ngày 17 tháng 11 năm 2020, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quyết định số 344/QĐ-XL.DK về việc phê duyệt điều chỉnh phương án chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí. Số lượng cổ phần chuyển nhượng là 1.465.500 cổ phần, giá bán theo giá giao dịch trên sàn giao dịch Chứng khoán nhưng không thấp hơn giá trị 01 cổ phần theo chứng thư thẩm định giá (12.430 đồng/cổ phần - Chứng thư thẩm định giá số 150920.009/CTTD.TĐG ngày 15 tháng 9 năm 2020).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thông tin chi tiết về các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư vào công ty con	1.752.412.574.396	795.627.663.933	1.956.206.514.396	880.401.321.367
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (i)	367.502.605.998	107.665.468.829	367.502.605.998	79.222.379.026
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	325.000.000.000	162.105.265.570	325.000.000.000	140.547.062.353
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	286.227.385.833	112.393.037.996	286.227.385.833	125.158.649.852
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	-	203.793.940.000	192.436.698.353
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	170.000.000.000	33.129.998.753	170.000.000.000	33.212.945.541
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	195.150.582.565	116.889.568.318	195.150.582.565	81.070.375.748
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	153.000.000.000	40.264.395.012	153.000.000.000	14.761.728.869
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	102.000.000.000	69.647.929.455	102.000.000.000	60.459.481.625

Ghi chú:

- (i) Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) với tổng số tiền khoảng 107 tỷ VND dựa trên thông tin báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được kiểm toán của Petroland. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư vào công ty liên kết	735.449.467.055	702.091.763.141	754.799.467.055	701.154.883.545
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	83.271.467.055	83.271.467.055	83.271.467.055	83.271.467.055
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (ii)	58.050.000.000	26.265.576.843	77.400.000.000	25.143.653.818
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	54.395.000.000	54.395.000.000	54.395.000.000	54.395.000.000
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	19.993.000.000	19.993.000.000	19.993.000.000	19.993.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (ii)	3.500.000.000	1.926.719.243	3.500.000.000	2.111.762.672
c) Đầu tư dài hạn khác	191.595.000.000	160.077.052.920	208.359.968.199	160.077.052.920
Công ty Cổ phần Xi măng Ha Long	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (iii)	23.500.000.000	11.288.806.120	23.500.000.000	11.288.806.120
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	-	-	16.764.968.199	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (iii)	12.500.000.000	1.488.246.800	12.500.000.000	1.488.246.800
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn (iii)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (iii)	2.795.000.000	-	2.795.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (iii)	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Tổng cộng	2.679.457.041.451	1.657.796.479.994	2.919.365.949.650	1.741.633.257.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(iii) Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-Link) với tổng số tiền khoảng 27,3 tỷ VND dựa trên thông tin báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được kiểm toán của PVC Duyên Hải và Petro-link. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của hai công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào công ty liên kết nêu trên. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

(iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có các khoản đầu tư vào các công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4, với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 44,3 tỷ VND và khoảng 12,8 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty Công nghiệp Daelim	1.054.255.257.836	1.082.987.723.281
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	484.890.856.579	482.180.600.301
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Tập đoàn Sojitz	132.719.099.414	165.289.300.346
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	27.042.356.726	26.798.344.807
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	107.165.897.573	110.733.200.321
Các đối tượng khác	775.646.221.447	798.121.422.607
Cộng	<u>2.758.769.254.840</u>	<u>2.843.160.156.928</u>
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	574.548.447.338	581.792.751.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	55.740.009.354	83.583.485.701
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Các đối tượng khác	1.752.284.896	50.301.867.483
Cộng	140.270.770.149	216.663.829.083
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	<i>83.298.171.626</i>	<i>93.148.521.557</i>

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp/ phải thu trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp/ đã thu trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	993.884.131	2.567.601.939	3.127.281.903	434.204.167
Thuế xuất, nhập khẩu	-	74.008.348	74.008.348	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.524.754.559	1.159.908.085	1.501.669.719	1.182.992.925
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	501.570.373	501.570.373	-
Các loại thuế khác	24.769.220	3.388.126.103	3.412.895.323	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	180.544.703	33.324.957	201.904.549	11.965.111
Cộng	2.723.952.613	7.724.539.805	8.819.330.215	1.629.162.203
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	26.600.011	-	26.600.011
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	-	19.254.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	21.256.556.285
Thuế thu nhập cá nhân	-	120.048.066	90.377.318	29.670.748
Các loại thuế khác	783.720	-	-	783.720
Cộng	21.276.594.708	146.648.077	90.377.318	21.332.865.467

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	361.463.387.688	319.025.766.498
Chi phí phải trả khác	361.162.441.413	315.692.605.063
	300.946.275	3.333.161.435
b) Dài hạn		
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	71.064.369.884	71.064.369.884
	71.064.369.884	71.064.369.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	367.176.404.628	368.640.115.430
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.246.194.469	587.461.997
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	365.927.210.159	368.052.653.433
- Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) (ii)	133.507.481.108	127.584.862.088
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.038.464.510	54.038.464.510
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long	-	5.533.782.157
- Các đối tượng khác	40.438.485.049	42.952.765.186
b) Dài hạn	29.520.935	29.520.935
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	29.520.935	29.520.935
Cộng	367.205.925.563	368.669.636.365
<i>Trong đó: phải trả khác là các bên liên quan</i>	<i>61.376.261.965</i>	<i>74.971.242.707</i>

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 37.
- (ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và chi phí lãi vay mà Tổng Công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 26. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã quá hạn.
- (iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	871.068.612.025	871.068.612.025	36.515.336.117	146.093.178.101	980.646.454.009	980.646.454.009
<i>a) Vay ngắn hạn</i>	<i>180.684.026.306</i>	<i>180.684.026.306</i>	<i>36.515.336.117</i>	<i>71.740.260.411</i>	<i>215.908.950.600</i>	<i>215.908.950.600</i>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (i)	-	-	-	40.700.000.000	40.700.000.000	40.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (ii)	180.684.026.306	180.684.026.306	34.515.336.117	29.040.260.411	175.208.950.600	175.208.950.600
- Ông Đoàn Hữu Luyện	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
<i>b) Vay dài hạn đến hạn trả (iii)</i>	<i>690.384.585.719</i>	<i>690.384.585.719</i>	<i>-</i>	<i>74.352.917.690</i>	<i>764.737.503.409</i>	<i>764.737.503.409</i>
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	690.384.585.719	690.384.585.719	-	74.352.917.690	764.737.503.409	764.737.503.409
Cộng	871.068.612.025	871.068.612.025	36.515.336.117	146.093.178.101	980.646.454.009	980.646.454.009

Ghi chú:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty. Như trình bày tại Thuyết minh số 9, ngày 06 tháng 4 năm 2013, SHB thực hiện khấu trừ 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản nợ đã quá hạn của Tổng Công ty (trong đó dư nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.782.157 VND). Tổng Công ty đã khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ và đã được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm và Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm. Theo Bản án phúc thẩm số 216/2020/KDTM-PT ngày 3 tháng 12 năm 2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, Tổng Công ty đã ghi giảm số dư vay và lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền hạch toán lần lượt là 40.700.000.000 VND và 5.533.782.157 VND để bù trừ với khoản phải thu như tại thuyết minh số 9.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/2084729/HĐTĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 với hạn mức 900 tỷ VND và thời hạn cấp tín dụng đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 8 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 8,4%/năm, Do ảnh hưởng từ đại dịch covid 19, từ ngày 1/4/2020 Ngân hàng có quyết định điều chỉnh lãi suất từ 8.4% xuống 7.65%, những khoản giải ngân sau ngày 23/4/2020 áp dụng lãi suất 6.5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (iii) Vay dài hạn đến hạn trả phản ánh khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán cho khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.377.266.252.151)	700.191.030.583
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(182.636.931.334)	(182.636.931.334)
Số dư đầu năm	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.559.903.183.485)	517.554.099.249
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(152.279.307.123)	(152.279.307.123)
Số dư cuối năm	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.712.182.490.608)	365.274.792.126

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 06 tháng 11 năm 2020, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
			Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	2.178.733.330.000
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	1.821.266.670.000
	4.000.000.000.000	100%	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	844.888	1.150.022
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	9.716.217.233	9.716.217.233

29. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
247.954.826.066	247.954.826.066	1.069.954.211.517
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động xây lắp	239.931.547.462	1.039.105.575.161
- Doanh thu bán hàng	3.448.553.495	16.989.518.192
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.574.725.109	13.859.118.164
247.954.826.066	247.954.826.066	1.069.954.211.517
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	247.954.826.066	1.069.954.211.517
c) Trong đó: doanh thu với các bên liên quan	133.449.217.182	880.817.325.047

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	234.630.635.022	1.030.853.012.994
Giá vốn của hàng bán	4.519.034.811	15.817.151.777
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.892.965.045	13.011.462.396
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	<u>243.042.634.878</u>	<u>1.059.681.627.167</u>

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.997.948.425	4.300.778.416
Lãi bán các khoản đầu tư	1.995.001.801	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	952.575.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	793.339.354	887.376.762
Doanh thu tài chính khác	262.786.500	-
Cộng	<u>6.049.076.080</u>	<u>6.140.730.178</u>

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.247.469.325	16.163.705.037
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính (i)	186.754.300.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.254.866.669	3.867.875.168
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(115.737.483.488)	109.376.981.840
Chi phí tài chính khác	9.094.221.880	7.781.398.934
Cộng	<u>101.613.374.386</u>	<u>137.189.960.979</u>

(i) Khoản lỗ từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam như trình bày tại Thuyết minh số 17.

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	42.546.483.411	36.728.023.548
Chi phí đồ dùng văn phòng	639.364.408	729.097.927
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.550.296.525	2.091.285.151
Thuế, phí và lệ phí	941.734.922	495.605.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.363.243.970	14.503.789.006
Chi phí bằng tiền khác	7.917.521.912	9.908.305.090
(Hoàn nhập)/ Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.868.500.705	4.094.017.586
Cộng	<u>67.827.145.853</u>	<u>68.550.123.965</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.062.308.707	116.986.423.546
Chi phí nhân công	76.611.537.625	73.324.698.174
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.355.056.343	5.983.268.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.107.762.887	917.760.734.171
Trích lập dự phòng	1.868.500.705	4.094.017.586
Chi phí khác bằng tiền	11.080.597.897	10.403.910.747
Cộng	<u>410.085.764.164</u>	<u>1.128.553.052.756</u>

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(152.279.307.123)	(183.802.384.958)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	203.584.305	15.070.014.159
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	203.584.305	14.117.439.159
<i>Trừ: Thu nhập từ cổ tức lợi nhuận được chia</i>	-	952.575.000
<i>Chuyển lỗ</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	(152.075.722.818)	(168.732.370.799)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (i)	-	<u>1.165.453.624</u>

- (i) Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại là phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận liên quan đến việc đánh giá lại quyền sử dụng đất tại thời điểm cổ phần hóa các công ty con trong năm 2010.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	133.449.217.182	880.817.325.047
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	131.413.800.294	830.986.161.413
Viện Dầu khí Việt Nam	-	38.287.490.336
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	244.490.000	2.461.208.637
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	178.266.131	2.328.120.110
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	329.243.824	2.163.216.107
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	835.353.750	1.822.590.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	307.448.272	1.181.414.753
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	-	1.018.375.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	613.065.572	547.291.060
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	-	8.827.322
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	(472.450.661)	12.630.309
Mua hàng hóa và dịch vụ	17.194.522.785	264.615.295.620
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	404.013.996	108.843.289.454
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	(163.636)	43.697.249.086
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	809.742.308	30.431.330.391
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	4.019.872.115	26.746.159.838
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	11.331.622.709	26.413.612.914
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	-	17.856.139.481
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	4.619.707.592
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	-	3.299.938.266
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	629.435.293	1.569.011.183
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	-	573.784.585
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	565.072.830
Cổ tức đã nhận trong năm	-	4.852.575.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	-	3.900.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	-	952.575.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.541.113.723	3.212.323.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	1.572.935.742.472	1.505.925.194.869
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.196.564.919.848	1.116.202.950.949
Viện Dầu khí Việt Nam	104.372.368.453	104.372.368.452
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	92.830.694.349	91.998.195.450
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	77.169.629.038	83.824.809.185
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	50.006.385.426	50.006.385.426
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.093.291.361	23.093.291.361
Tổng Công ty Khí Việt Nam	9.446.793.927	9.446.793.928
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	6.097.621.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.546.942.139	5.546.942.139
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.765.783.163	5.221.876.372
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.627.185.210	2.593.251.379
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	2.000.000.002
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	150.700.000	1.927.655.895
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.164.741.750	1.572.650.505
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	700.000.000	1.216.866.022
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	278.440.484	284.440.484
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	366.052.500	366.052.500
Tổng Công ty tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	8.964.327	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	193.323.233	133.922.565
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	16.811.955
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.308.500	2.308.500
Phải thu khác	143.962.042.183	150.382.717.842
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	31.961.175.904	34.965.989.605
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	35.289.515.387	31.947.308.441
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.177.267.615	23.721.839.101
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	20.507.270.308
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	731.314.239	10.056.966.066
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	9.375.455.925	9.375.455.925
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	6.840.056.555
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Công ty cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.075.889.084	2.035.720.341
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.068.154.052	2.008.154.052
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	1.669.212.234
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	344.909.696	344.909.696
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	265.370.827	265.370.827
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	104.817.201	104.817.201
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	90.714.104	78.728.438
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	680.340	680.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán	262.893.199.913	253.187.718.650
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.916.776	108.864.918.776
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	43.006.213.439	54.324.395.257
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	17.338.948.678	25.366.722.108
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	50.693.297.207	28.268.366.989
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	-	14.086.868.954
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	11.263.563.283
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	28.662.958.462	8.083.208.483
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	229.674.800
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	-	-
Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Thái Bình	53.342.341	-
Tổng công ty Khí Việt Nam	-	-
Tổng Công ty tư vấn Thiết kế Dầu khí	80.284.927	-
Người mua trả tiền trước	83.298.171.626	93.148.521.557
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	-	5.456.975.849
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	-	4.795.814.624
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	-	117.255.185
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	519.695.727	-
Phải trả người bán ngắn hạn	574.548.447.338	581.792.751.054
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	107.165.897.573	110.733.200.321
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	52.276.952.713	72.662.236.508
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	62.942.338.058	58.374.311.377
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	38.928.091.686	40.931.883.540
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	27.042.356.726	26.798.344.807
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	34.055.423.434	34.055.423.434
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Thái Bình	20.861.872.510	20.861.802.510
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	16.926.121.213	16.293.622.314
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	11.337.503.908	8.725.182.913
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.677.346.521	6.210.411.670
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3.947.951.289	6.127.928.326
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	19.928.480.134	2.781.530.250
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	187.307.819	187.307.819
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	221.238.489	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm	Dư nợ vay quá hạn cuối năm	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
Tổng			155.046.350.336	155.046.350.336	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thu bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

(*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PVC-SG gửi Công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với Oceanbank. Theo đó, ngày 10 tháng 8 năm 2016, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC-SG công văn số 784/2016/CV-CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC-SG. Tại công văn này, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC-SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC-SG bán hàng/bán tài sản để tạo nguồn trả nợ cho Oceanbank và PVC-SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND). Đến ngày 31/12/2020 PVC-SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND trả gốc; đồng thời PVC-SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đưa ra.

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thẩm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng khác

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đã đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC tạm xác định là khoảng 949,6 triệu USD và 10.741 tỷ VND. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt Dự toán Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, giá vốn ước tính để thực hiện dự án của Tổng Công ty là khoảng 952,7 triệu USD và 11.072 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là khoảng 1,28%. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng năm 2020 và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực tế của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp dự kiến trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 - 2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo các Nghị quyết và Quyết định trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020. Hiện tại, Tổng Công ty đang cập nhật kế hoạch tái cơ cấu cho giai đoạn 2021 - 2025 và trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt.

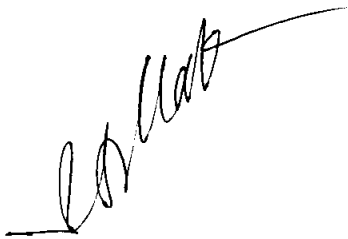
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm, Tổng Công ty đã bù trừ số dư phải thu và số dư vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền khoảng 40,7 tỷ VND; Vì vậy, giá trị này không được trình bày tương ứng trong chỉ tiêu Tăng/giảm các khoản phải thu và chỉ tiêu Tiền trả nợ gốc vay trên Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng.



Vũ Thị Châm
Người lập biểu



Nguyễn Đức Tuấn
Kê toán trưởng



Chu Thanh Hải
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

